

ANNUAL REPORT 2011

Báo cáo thường niên năm 2011



MỤC LỤC



05 THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



07 TOÀN CẢNH PVCL

09 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

11 CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

13 MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



15 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010

16 BÁO CÁO CỦA HĐQT

21 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

29 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

MỤC LỤC



35 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

35 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



81 PVCL NĂM 2010

82 TỔ CHỨC

89 NHÂN SỰ

91 CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU CỦA PVCL TRONG NĂM 2010



93 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

94 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



Với khát vọng trở thành một điểm sáng trong chiến lược phát triển các khu đô thị, khu dân cư trong tỉnh Sóc Trăng nói riêng và khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long nói chung, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long sẽ là cầu nối đem đến cho các nhà đầu tư và khách hàng những cơ hội mới để đạt được những thành công mới. PVCL với thế mạnh về tài chính cùng đội ngũ cán bộ - công nhân viên giàu kinh nghiệm, năng động và tinh thần trách nhiệm cao kết hợp với sự gắn bó hỗ trợ nhiệt tình từ các đối tác sẽ đem lại cho quý khách hàng môi trường sống thân thiện gần gũi với thiên nhiên từ những khu đô thị hiện đại với không gian sống tiện nghi, thoải mái. Bên cạnh đó, PVCL cũng sẽ đem đến những cơ hội đầu tư trong các lĩnh vực kinh doanh thương mại nhằm tạo nguồn lợi nhuận cao cho khách hàng.

Đánh dấu bằng bước ngoặt chính thức tham gia thị trường chứng khoán Việt Nam thông qua việc thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh, PVCL đã và đang bước những bước đầu tiên vững chắc với tầm nhìn chiến lược được xác định rõ ràng nhằm đạt được sự tăng trưởng vượt bậc bằng những kết quả kinh doanh ấn tượng, từ đó tạo dựng các giá trị bền vững và niềm tin cho các nhà đầu tư.



Nguyễn Triệu Dũng - Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Đô thị Dầu khí Cửu Long



TOÀN CẢNH PVCL

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
2. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG
3. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH
4. MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



- Tên gọi : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG
- Tên giao dịch quốc tế : CUU LONG PETRO URBAN DEVELOPMENT AND INVESTMENT CORPORATION
- Tên viết tắt : PVCL
- Địa chỉ : Số 02, Lô KTM 06, Đường số 6, KĐT 5A, P 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng
- Điện thoại : (84.79) 3627 999
- Fax : (84.79) 3627 888
- Mã số thuế : 2200280598
- Email : pvcl@dothi5a.com
- Website : www.pvcl.com.vn
- Vốn điều lệ : 250.000.000.000 VND

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được hình thành trên nền tảng của Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu kêu gọi các đối tác hợp tác đầu tư thực hiện dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với quy mô 112,87 ha; dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng giao cho Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu làm chủ đầu tư tại Quyết định số 1288/QĐHC-CTUBND ngày 05/09/2007. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu là một đơn vị chuyên hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, giám sát, thi công các công trình và là chủ đầu tư của các dự án khác đã và đang thực hiện như dự án khu dân cư Minh Châu (42ha), dự án khu phố chợ Nguyễn Huệ (30 căn phố liền kề 5 tầng)...

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long chính thức được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với vốn điều lệ đăng ký là 250.000.000.000 đồng, tương ứng 25.000.000 cổ phần.

29/11/2007

Đến ngày
05/12/2007

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu cùng các đối tác lớn có uy tín như Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi và Tổng Công ty tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam đã tiến hành cuộc họp Đại hội cổ đông sáng lập, để thông qua Dự thảo điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long và bầu các chức danh Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty; để tiếp tục làm chủ đầu tư mới của dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A.

Dự án phát triển đô thị và tái định cư khu 5A chính thức đã được Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng chuyển đổi pháp nhân chủ đầu tư dự án từ Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Minh Châu sang cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long tại Quyết định số 297/QĐHC-CTUBND.

**Đến ngày
31/12/2007**



**Đến ngày
02/04/2008**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã được các cổ đông lớn khác tham gia góp vốn vào công ty như Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh Ree, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây và một số cổ đông lớn khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long trở thành công ty đại chúng

**Đến tháng
07/2010**



**Đến tháng
08/2010**

Tổng tài sản của công ty đã đạt được gần 425 tỷ đồng và sau nhiều lần đăng ký bổ sung, thay đổi, cơ cấu các cổ đông góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được điều chỉnh lại như sau:

- Vốn cổ phần của cổ đông sáng lập là 142.218.750.000 đồng chiếm 56,89% vốn điều lệ.

- Vốn cổ phần được quyền chào bán là 107.781.250.000 đồng chiếm 43,11% vốn điều lệ

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM vào ngày 03/03/2011

**Đến tháng
03/2011**



2. CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG



Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200280598 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 05/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 22/09/2010, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Trồng mua bán hoa, cây cảnh;

Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;

Xây dựng nhà các loại, công trình giao thông, công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Phá vỡ chuẩn bị mặt bằng

Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác;

Hoàn thiện công trình xây dựng;

Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Hoạt động kiến trúc, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác;

Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy điều hòa nhiệt độ, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng khai khoáng, xây dựng, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;

Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;

Thiết kế công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông nông thôn, thủy lợi nông thôn;

Tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi nông thôn, công nghiệp.

3. TẦM NHÌN, MỤC TIÊU



Triết lý kinh doanh

- Uy tín và chất lượng.
- Tạo dựng những công trình quy mô và tiện ích.
- Đem lại giá trị thặng dư cho khách hàng và nhà đầu tư.

Mục tiêu

Tầm nhìn chiến lược của PVCL trong 5 – 10 năm tới là trở thành một trong những Công ty Bất động sản hàng đầu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trên cơ sở tạo điều kiện an cư lạc nghiệp và môi trường sinh sống làm việc thoải mái, chất lượng cho dân cư khu vực Đồng bằng sông Cửu Long thông qua việc xây dựng và phát triển các công trình đô thị đa năng và hiện đại.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2010

1. BÁO CÁO CỦA HĐQT
2. BÁO CÁO KQHĐKD CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
3. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2010

Năm 2010, bên cạnh những thành công về mức độ tăng trưởng kinh tế, Việt Nam vẫn gặp những khó khăn đáng kể, đặc biệt là tình hình lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng và lãi suất huy động của các ngân hàng tăng cao, thị trường chứng khoán kém sôi động... Tuy nhiên, với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, năm 2010 lại là một năm phát triển nhảy vọt và đạt được nhiều thành quả đáng tự hào. Tận dụng tốt các thời cơ phát triển và xác định một cách chính xác diễn tiến thị trường cũng như những khó khăn để đưa ra những quyết sách phát triển hợp lý. Trong năm qua, PVCL đã đạt được lợi nhuận sau thuế lên đến trên 36 tỷ đồng; đồng thời khởi công, tích cực triển khai và hoàn thành hàng loạt công trình xây dựng. Với những thành tựu này, có thể nói giá trị thương hiệu của PVCL đã vươn lên một cách đáng kể.

Trong năm 2010, HĐQT Công ty đã hoạch định các chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Kết quả hoạt động SXKD trong năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2010	TH 2010	Tỷ lệ
Tổng doanh thu	161.872	163.659	101,10%
Lợi nhuận trước thuế	65.663	46.920	71,45%
Lợi nhuận sau thuế	49.247	36.060	73,22%
Vốn điều lệ	250.000	250.000	
Tỷ suất LNST/ VDL	19,7%	14,4%	
EPS (đ/cp)		1.656	

Bên cạnh đó, trong năm 2010 PVCL đã chính thức niêm yết trên thị trường chứng khoán tại

Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM. PVCL đã chuẩn bị đầy đủ các thủ tục cần thiết, xây dựng cơ chế tổ chức và quản lý sẵn sàng và chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM ngày 03/03/2011 với 25 triệu cổ phiếu. Việc niêm yết trên sàn chứng khoán thể hiện mục đích cũng như mong muốn của PVCL về việc chào đón cơ hội đầu tư và hợp tác từ mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước quan tâm cũng như xây dựng hình ảnh, thương hiệu PVCL trên thị trường tài chính.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2010

Hoạt động chung của Hội Đồng Quản Trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long gồm có 5 thành viên là:

1. Ông Nguyễn Triệu Dũng - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Tuấn Anh - TV HĐQT độc lập
3. Ông Trương Văn Phước - TV HĐQT độc lập
4. Ông Nguyễn Hoàng Phương - TV HĐQT độc lập
5. Ông Dương Thế Nghiêm - TV HĐQT

HĐQT điều hành trực tiếp các hoạt động kinh doanh của Công ty nên hàng tháng HĐQT đều tổ chức các phiên họp định kỳ để cùng Ban lãnh đạo bàn thảo về kết quả sản xuất kinh doanh, tổng kết các thuận lợi khó khăn để đưa ra các giải pháp kịp thời và hợp lý cho các hoạt động kinh doanh của công ty.

Trong năm 2010, HĐQT của Công ty đã hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty.

Cụ thể trong năm 2010 vừa qua, HĐQT Công ty PVCL đã thông qua nhiều nghị quyết quan trọng, đánh dấu các bước phát triển mạnh mẽ của Công ty:

- Đưa ra những định hướng chiến lược cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư trong năm của Công ty nhằm tận dụng thời cơ phát triển chung của tỉnh.
- Đưa ra những quyết định kịp thời cho các hoạt động đầu tư và lĩnh vực hoạt động đầu tư kinh doanh của Công ty.
- Thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở GDCK TP.HCM.
- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng định hướng phát triển Công ty theo mô hình đầu tư và phát triển các khu dân cư mới và các dự án đô thị cao cấp, đa chức năng.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Trong năm 2010, Ông Nguyễn Tuấn Anh, Ông Nguyễn Hoàng Phương và Ông Trương Văn Phước là các thành viên HĐQT độc lập không tham gia điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty phù hợp với các chủ trương định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT và thông lệ quản lý hiện đại. Trong năm 2010 các thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện tốt vai trò này

Hoạt động giám sát của HĐQT

HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và HĐQT. Ngoài ra,

HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty. Hoạt động của Ban Kiểm soát, bộ phận Kiểm toán nội bộ của Công ty trong năm 2010 cũng được tăng cường nhằm phát huy vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, Nhà nước, của cổ đông và đối tác cũng như quyền lợi của người lao động.

Ban Lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

PVCL đã nghiên cứu tham khảo các mô hình tổ chức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ Công ty nhằm từng bước chuẩn hoá công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2011:

Trong năm 2011, HĐQT sẽ thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2011, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định

của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2011;

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo toàn vốn; giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban lãnh đạo, đặc biệt trong các công tác triển khai các dự án mới;
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung-dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý;
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; hàng tháng tổ chức

phiên họp thường kỳ để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tổ

Sóc Trăng, ngày 28 tháng 04 năm 2011

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN TRIỆU DŨNG

chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.



2. BÁO CÁO KQHĐKD NĂM 2010 CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2010

Tình hình chung

Năm 2010 tình hình kinh tế Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn như tình hình lạm phát, giá cả nguyên vật liệu biến động mạnh, tình trạng thiếu vốn, chậm thanh toán, nhất là sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn, là những vấn đề bức xúc, gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, với những nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ nhân viên cùng sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo, Công ty đã vượt qua khó khăn và gặt hái những kết quả đáng kể trong sản xuất kinh doanh.

Năm 2010 là năm thứ ba Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đã đi vào ổn định, có một số thuận lợi cơ bản:

- Lực lượng lao động trẻ, năng động, nhiệt tình đã dần bắt kịp yêu cầu trong sản xuất kinh doanh;
- Các quy định, quy chế nội bộ được đưa vào áp dụng có hiệu quả; vốn điều lệ ổn định đã tạo điều kiện tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Công ty được các cấp chính quyền ban ngành trong tỉnh ủng hộ về nhiều mặt;
- Có nguồn khách hàng tiềm năng nhờ vào các dự án phát triển của tỉnh.

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 sửa đổi, bổ sung kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn (2010-2011), trong năm qua Hội đồng Quản trị cùng tập thể CB-CNV Công ty đã nỗ lực ra sức phấn đấu để thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bằng những định hướng đúng đắn, sự chỉ đạo kịp thời, đồng thời đề ra các giải pháp mang tính đồng bộ nên năm 2010, kết quả sản xuất

kinh doanh của Công ty đã đạt được những kết quả như sau:

Kết quả hoạt động SXKD năm 2010

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010

Tài sản - nguồn vốn

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Thực hiện		(%) tăng(+)/ giảm(-)
	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010	
Tài sản	444.011	355.117	+25,03%
TS ngắn hạn	369.717	319.872	+15,58%
TS dài hạn	74.294	35.245	+110,79%
Nguồn vốn	444.011	355.117	+25,03%
Nợ phải trả	160.290	160.586	-0,18%
Vốn chủ sở hữu	283.722	194.531	+45,85%

Kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: ngàn đồng

Chi tiêu	Thực hiện		(%) tăng(+)/gi ảm(-)
	Năm 2010	Năm 2009	
I. Tổng DT	163.658.858	44.367.814	268,87%
DT bán hàng & dịch vụ	162.333.653	44.290.143	266,52%
DT hoạt động tài chính	1.270.659	77.672	1.535,93%
DT hoạt động khác	54.545	-	
II. Tổng CP	116.739.005	37.917.506	207,88%
Chi phí giá vốn hàng bán	111.298.594	35.880.667	210,19%
Chi phí tài chính	1.270.659	-	
Chi phí bán hàng	590.460	404.577	45,95%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.490.391	1.632.262	113,84%
Chi phí khác	88.900	-	
III. Lợi nhuận trước thuế	46.919.853	6.450.309	627,40%
IV. Thuế TNDN	10.859.966	737.107	1.373,32%
V. Lợi nhuận sau thuế	36.059.887	5.713.201	531,17%

Chỉ tiêu	Thực hiện		(%) tăng(+)/giảm(-)
	Năm 2010	Năm 2009	
VI. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	1.656	303	446,53%

Kết quả thực hiện kế hoạch một số chỉ tiêu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010
Tổng DT	44.367	161.872	163.659
% thay đổi		264,80%	+1,00%
LNTT	6.450	65.663	46.920
Tỷ suất LNTT /DThu	14,50%	40,60%	-29,00%
LNST	4.838	49.247	36.060
Tỷ suất LNST/DT	10,90%	30,4%	-27,00%
Vốn điều lệ	188.550	250.000	250.000
Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	2,57%	19,70%	14,42%

Tình hình các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính

Công tác đầu tư

Về xây dựng cơ sở hạ tầng DA Khu 5A:

Tập trung hoàn thiện hạ tầng ở khu bờ nam kênh Nhân Lực thuộc tiểu dự án 1, 3 và 5 như sau:

- Lắp đặt cống thoát nước mặt 17.247 m
- Lắp đặt thoát nước bản 6.941 m
- Lót gạch vỉa hè 18.538 m²
- Và trồng cây xanh các công viên và dọc các tuyến đường được 65.744,5 m².

Tiếp tục san lấp và định hình các trục đường ở khu bờ bắc kênh Nhân Lực thuộc tiểu dự án 2 và 4, cụ thể:

- Bơm cát san lấp mặt 829.561,2 m³

Về xây dựng nhà ở:

Trong năm 2010 xây dựng được tổng cộng 292 căn, bao gồm:

- Xây 7 dãy nhà trệt: 148 căn
- Xây dãy 1 trệt 1 lầu LK33 : 31 căn
- Xây dãy nhà 1 trệt 2 lầu KTM06 20 căn

Ngoài ra các loại nhà khác như

- Biệt thự song lập : 5 căn
- Trụ sở Cty PVCL : 1 căn lớn
- Dân tái định tự xây : 87 căn (gồm nhà trệt : 75 căn và 1 trệt 1 lầu: 12 căn)

Công tác thị trường:

- Năm 2010 dự án bờ kè sông Maspero của TP.Sóc Trăng tiếp tục việc bồi hoàn di dời giải tỏa các hộ dân, cùng với các dự án xây dựng khu hành chính mới của tỉnh được công bố là động lực thúc đẩy khách hàng vào mua nhà đất tại khu 5A. Năm bắt được những yếu tố thuận lợi, công ty đã có những bước đi phù hợp để đáp ứng thị hiếu khách hàng, vừa giao nền cho dân tái định cư vừa xây nhà để bán cho rộng rãi các đối tượng khách hàng. Kết hợp đồng bộ việc nắm bắt nhu cầu thị trường, Công ty đã xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng đắn nên trong năm 2010 đã tạo được sự tăng trưởng nhảy vọt về doanh số bán so với năm 2009.
- Bên cạnh việc nghiên cứu thiết kế nhà ở có mẫu mã đẹp, giá cả phù hợp, Công ty đã triển khai các hình thức quảng cáo phù hợp khả năng tài chính như tài trợ cho các Chương trình do đài PTTT Sóc Trăng tổ chức kết hợp thực hiện phim tự giới thiệu, tham gia quảng cáo trên các tạp chí chuyên ngành kinh doanh bất động sản, báo Sóc Trăng, đồng thời thiết kế in ấn các tờ rơi, catalog và các bảng pano quảng cáo ngoài trời... đã quảng bá hình ảnh một khu 5A sống động và hiện đại đã kích thích doanh số tăng vọt trong năm 2010.

Mặc dù các kết quả trên là rất đáng khích lệ, nhưng để Công ty tiếp tục phát triển vững chắc, chúng ta cần phải tập trung hơn nữa trong chính sách tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực quản lý, kỹ thuật có chất lượng cao; chú trọng nghiên cứu phát triển thêm nhiều sản phẩm nhà ở mới với mẫu mã đẹp và giá cả cạnh tranh. Đồng thời, cần tăng cường nghiệp vụ kinh doanh bất động sản ngày càng chuyên nghiệp hơn.

Công tác tài chính :

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính tại đơn vị, chấp hành tốt Luật Kế toán, Luật Thống kê, đảm bảo thực hiện đúng theo yêu cầu về Luật thuế GTGT.
- Hoàn tất các thủ tục để tiến hành niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

Tình hình các công tác khác

Về thủ tục pháp lý:

- Tiền sử dụng đất Khu 5A đã nộp trong năm 2010 là 50 tỷ đồng, đang làm thủ tục xin cấp giấy Chứng nhận QSDĐ phần đất khai thác kinh doanh của dự án tương đương 146.250 m² thuộc khu vực bờ Bắc kênh Nhân Lực.
- Tiếp tục triển khai việc giao nền cho dân tái định cư của dự án bờ kè kênh Maspero, thành phố Sóc Trăng.

Công tác tổ chức lao động tiền lương:

Về nhân sự:

- Cuối năm 2009: Tổng số CB-CNV toàn Công ty là 72 người
- Đến cuối năm 2009: Tổng số CB-CNV Công ty là 94 người (tăng 22 người), trong đó, có 03 đảng viên, 56 đoàn viên công đoàn và hiện đang tiến hành thành lập tổ

chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 42 đoàn viên, thanh niên trong độ tuổi từ 18 đến 30.

- Tiền lương: Ước tính thu nhập bình quân đầu người là 4 triệu đồng/người/ tháng.
- 100% CB-CNV sau khi được tuyển dụng, hoàn thành thời gian thử việc theo qui định của Công ty đều được ký kết Hợp đồng lao động và tham gia đầy đủ BHXH, BHYT; riêng đối với những trường hợp sau khi ký HĐLĐ được tròn 01 năm sẽ được mua Bảo hiểm thất nghiệp.
- 100% CB-CNV được khám sức khỏe theo định kỳ trong năm.

Về công tác đào tạo CB-CNV:

- Đưa 04 CB - CNV Phòng Kinh doanh tham dự khóa tập huấn "Kỹ năng Quản lý cho quản lý cấp trung" và lớp "Phong thủy trong kinh doanh Bất động sản" tại Cần Thơ; 02 nhân viên Phòng Kế toán tham dự lớp "Ứng dụng phần mềm kế toán VIETSUN trong quản lý và tự in hóa đơn" tại Sóc Trăng.

Về công tác BHLĐ, ATVS LD:

- Hàng năm, Công ty đều trang bị và cấp phát đầy đủ, kịp thời các loại đồng phục, dụng cụ bảo hộ lao động phù hợp với tính chất công việc của người lao động ở từng bộ phận:
 - + Nhân viên văn phòng: Nam (04 áo sơ mi/người/năm), Nữ (02 áo sơ mi, 02 áo Complé)
 - + Nhân viên Bảo vệ: 02 bộ quần áo, nón, vớ, giày
 - + Nhân viên Cơ điện: 02 bộ quần áo, mũ bảo hộ, giày cách điện, ủng đi nước
 - + Nhân viên cây xanh: 02 bộ quần áo, nón vải, găng tay, ủng đi nước

- Trang bị dụng cụ PCCC: Trong năm, dự kiến mua mới và lắp đặt 10 bình khí CO₂, 05 bộ biển báo, tiêu lệnh chữa cháy... Tổng kinh phí dự trù ước gần 1,2 tỉ đồng.

Các hoạt động chăm lo đời sống CB-CNV, Đoàn viên Công đoàn:

Trong năm 2010: Tổng quỹ hoạt động của Công đoàn Công ty còn tồn khoảng 30 triệu đồng cùng với phí và kinh phí Công đoàn (do Công ty và đoàn viên Công đoàn đóng góp), ngoài việc trích nộp về Công đoàn cấp trên và chi cho các hoạt động khác như: Tặng quà Tết Trung thu cho thiếu nhi là con CB - CNV Công ty; thăm hỏi tặng quà đoàn viên ốm đau, phúng điếu gia đình đoàn viên gặp hữu sự... Ngoài ra trong năm Công đoàn Công ty còn tổ chức cho công đoàn viên tham quan nghỉ dưỡng tại Phú Quốc 3 ngày và trích quỹ ủng hộ các hoạt động phong trào : Văn hóa, văn nghệ; TDTT...; tham gia đóng góp “Quỹ Vì người nghèo”, “Mái ấm tình thương” do chính quyền địa phương và các Sở, ban ngành trong tỉnh phát động; tặng tiền, quà giúp đỡ trẻ em nghèo khuyết tật (Trường Nuôi dạy trẻ khuyết tật Sóc Trăng) với tổng số tiền trên 173.000.000 đồng.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2011

Để tiếp tục duy trì và phát huy những thành quả đã đạt được trong năm 2010, cũng như tận dụng và khai thác một cách triệt để các nguồn lực hiện có của đơn vị nhằm mục đích phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh năm 2011. Nay, Ban Giám đốc Công ty lập các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 để quyết tâm phấn đấu và trình Đại hội Cổ đông thông qua cụ thể như sau:

Các mục tiêu SXKD năm 2011

Phương hướng hoạt động SXKD

Về thủ tục pháp lý

- Hoàn tất việc nộp tiền sử dụng đất và hoàn tất việc xin cấp giấy CNQSDĐ các lô đất khai thác kinh doanh còn lại thuộc bờ Bắc kênh Nhân Lực (thuộc tiểu dự án 2 và 4, Khu 5A).
- Tiếp tục xúc tiến kêu gọi đầu tư vào 19 dự án thành phần các công trình cao cấp và hạ tầng xã hội.

Về đầu tư cơ sở hạ tầng:

- Tiếp tục đẩy nhanh thi công hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình kiến trúc của dự án. Đặc biệt thi công hoàn chỉnh các tuyến đường chính của các tiểu dự án 1, 3 và 5, sẵn sàng tạo quỹ đất ở cung cấp cho các hộ tái định cư và xây dựng nhà để bán.
- Lắp đặt hoàn chỉnh các trụ đèn chiếu sáng công cộng ở trục đường chính của khu vực bờ Nam kênh Nhân phục vụ cho sinh hoạt của dân cư.
- Thảm nhựa các trục đường chính như đường số 6, số 7... và hoàn chỉnh hạ tầng kỹ thuật của tiểu dự án 1 và 5.
- Tiếp tục san lấp mặt bằng TDA 2 và 4 và triển khai định hình các trục đường thuộc phía Bắc Kênh Nhân Lực, đưa vào chuẩn bị khai thác đất kinh doanh thuộc Tiểu dự án 2 và 4.

Về xây dựng nhà ở:

- Tiếp tục xây dựng nhà ở để bán thuộc TDA 1 và 5.
- Khai thác các lô nền đất ở dọc theo 2 bên đường số 8 và số 7, số lượng khoảng 150 căn, gồm nhà trệt và nhà 2 tầng; thiết kế và xây dựng một số lô biệt thự song lập và đơn lập kích thích sự phát triển của khu vực có thu nhập cao. Đưa vào khai thác kinh doanh song song với đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm

tạo nguồn vốn cho tái đầu tư, đảm bảo tính khả thi của dự án.

- Các hộ tái định cư thuộc dự án bờ kè sông Maspero sẽ tùy chọn việc mua nền để tự xây nhà hoặc mua nhà xây sẵn.

Các mục tiêu chính

Dự án Khu đô thị 5A

- Tiếp tục triển khai kinh doanh các sản phẩm nhà đất của dự án.
- Tiếp tục thi công hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục công trình kiến trúc của dự án, đáp ứng nhu cầu đất ở và nhà ở cho dân tái định cư.
- Xây dựng và đưa vào sử dụng khu trường Mẫu giáo – Tiểu học (GD02).
- Xây dựng khu chợ Dân sinh và các dãy nhà vừa đưa vào sử dụng trong năm 2011, đáp ứng nhu cầu di dời các hộ kinh doanh ở các khu vực chợ trong thành phố Sóc Trăng.
- Tìm kiếm, lựa chọn và hợp tác với các đối tác đầu tư xây dựng kinh doanh các công trình dịch vụ và thương mại cao cấp của dự án.
- Hoàn tất việc nộp tiền sử dụng đất còn lại (9 tỷ), đề nghị điều chỉnh dự án cho phù hợp với hiện trạng thực tế, trong đó có việc đo đạc xác nhận lại diện tích thực tế của dự án để nộp tiền sử dụng đất đúng với thực tế.

Công tác phát triển dự án mới

- Hoàn tất thủ tục và đầu tư Dự án **Khu thương mại – tái định cư thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.**

Giải pháp thực hiện kế hoạch sxkd năm 2011

Kế hoạch SXKD năm 2011 có chỉ tiêu tăng trưởng cao so với năm 2010, để đảm bảo thực hiện kế hoạch này, Công ty dự kiến sẽ tập trung vào các nhóm giải pháp sau:

Kiện toàn bộ máy và xây dựng cơ chế điều hành, quản lý Doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả

- Tăng cường sự chỉ đạo tập trung thống nhất; Duy trì và nâng cao năng lực bộ máy quản lý, bộ máy điều hành của Công ty theo hướng phân cấp, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Tăng cường trao đổi thông tin phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban, đơn vị, thực hiện hệ thống quản lý chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý doanh nghiệp.
- KIỆN TOÀN BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY; chủ động sắp xếp, bố trí nhân sự, bổ sung nhân sự có năng lực để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV của Công ty nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng cơ chế khen thưởng hoàn thành kế hoạch SXKD cho bộ máy điều hành của Công ty. Xây dựng quy chế tuyển dụng và chính sách đãi ngộ hợp lý nhằm thu hút nhân tài về làm việc cho Công ty.

Chú trọng công tác phát triển dự án, xây dựng cơ chế quản lý chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng đầu tư.

- Quan tâm tìm kiếm các dự án mới nhằm tạo đà phát triển bền vững cho Công ty.
- Chú trọng thực hiện kiện toàn thủ tục trình tự đầu tư theo đúng các quy chế, quy định về quản lý đầu tư của Nhà nước và của Công ty.
- Lập tiến độ thi công chi tiết các công trình triển khai thi công; Tăng cường công tác giám sát, quản lý đôn đốc các nhà thầu có

biện pháp thi công hợp lý đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án và đảm bảo các mục tiêu hoàn thành tiến độ.

- Thường xuyên đôn đốc các nhà thầu hoàn tất các thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán theo đúng giai đoạn. Giải ngân vốn kịp thời cho các nhà thầu thi công. Đẩy nhanh công tác quyết toán các hạng mục công trình hoàn thành của các dự án. Kiên quyết áp dụng các chế tài đối với các nhà thầu vi phạm về tiến độ thi công, hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán.

Đổi mới công tác kinh doanh, tăng cường tiếp thị, quảng bá sản phẩm, nâng cao thương hiệu.

- Kiện toàn bộ máy giao dịch bất động sản để triển khai kinh doanh các sản phẩm nhà đất của dự án.
- Đổi mới phương thức tiếp cận khách hàng, tăng cường quảng bá hình ảnh Công ty và các sản phẩm của Công ty để mở rộng thị trường.
- Tích cực tìm kiếm đối tác để hợp tác đầu tư đối với các dự án thành phần thương mại và dịch vụ cao cấp của Khu 5A...
- Xây dựng quy chế chăm sóc khách hàng, phương án quản lý, vận hành các Khu phố, làm tốt công tác hậu mãi đối với khách hàng...
- Tăng cường công tác quảng cáo, quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện thông tin hữu hiệu như đài PTTH, pano, catalog, tờ rơi...

Bám sát kế hoạch, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện các mục tiêu trọng điểm làm cơ sở đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

- Nâng cao chất lượng công tác kế hoạch, giao chỉ tiêu KH SXKD gắn liền với các chỉ tiêu Tài chính - kế toán, Lao động - tiền lương để gắn liền trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền lợi của các phòng ban đối với nhiệm vụ SXKD.
- Tăng cường giám sát thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý làm cơ sở đôn đốc các phòng ban và Ban quản lý dự án thực hiện đạt chỉ tiêu kế hoạch SXKD.

Nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính, đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD.

- Quan hệ với các tổ chức Tài chính, Tín dụng để tài trợ vốn cho việc triển khai đầu tư của Công ty, và hỗ trợ cho khách hàng mua nhà đất tại Dự án của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho các hoạt động đầu tư của Công ty có hiệu quả cao nhất.
- Tập trung thu hồi dứt điểm tiền khách hàng còn nợ để đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch và quản lý tài chính, kế hoạch chi phí, kế hoạch vốn và lập báo cáo tài chính theo đúng pháp luật Nhà nước và các quy định của Công ty, tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Tăng cường công tác thông tin, tiếp xúc với các Cổ đông, Nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch chủ yếu năm 2011

- Tổng doanh thu **450 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận trước thuế **208 tỷ đồng.**
- Lợi nhuận sau thuế **156 tỷ đồng.**
- Tỷ suất lợi nhuận/Doanh thu **34,7%.**

3. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát được qui định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long.
- Căn cứ vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long, được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Năm 2010, Ban kiểm soát của Công ty đã thực hiện nhiệm vụ và xin báo cáo trước Đại hội Đồng cổ đông về những nội dung như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho Cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp định kỳ một năm hai lần để xem xét đánh giá hoạt động kinh doanh và điều hành Công ty. Ngay sau Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 Ban kiểm soát đã phân công, phân nhiệm các thành viên trong Ban kiểm soát tập trung vào các hoạt động giám sát và kiểm tra trên một số lĩnh vực của Công ty như sau:

- Tham gia giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban giám đốc và Bộ máy quản lý của Công ty để giám sát

việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông đề ra.

- Tham gia các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để nắm bắt việc điều hành chỉ đạo cũng như việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Căn cứ vào các hoạt động phát sinh năm 2010, Ban kiểm soát Công ty chưa phát hiện xảy ra trường hợp nào vi phạm các qui định nêu trong Điều lệ của Công ty và không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại nào từ Cổ đông có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban kiểm soát của công ty có 3 thành viên được bầu thông qua các cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông sáng lập. Nhiệm kỳ đầu tiên của Ban kiểm soát là 04 năm (2008 - 2011). Đến ngày 19/01/2011, Ông Nguyễn Sông Gianh đã có đơn xin từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát và thôi giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát vào ngày 20/01/2011 vì lý do ông Nguyễn Tuấn Anh - thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long là em ruột của ông Nguyễn Sông Gianh, nên trái với các quy định theo luật định hiện hành. Ban kiểm soát đã tiến hành họp bất thường đồng ý thông qua việc từ nhiệm của ông Nguyễn Sông Gianh và bổ nhiệm tạm thời Bà Nguyễn Phương Huyền giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát đến khi trình Đại hội cổ đông thông qua.

TÌNH HÌNH KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2010, Hội đồng Quản trị công ty tổ chức các cuộc họp thường kỳ và bất thường để đánh giá và giải quyết các vấn đề có liên quan tới tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chương trình nghị sự của các cuộc họp HĐQT thường tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

- Xem xét và thông qua các quy chế làm việc của công ty như: Nội quy, Quy chế tài chính, Quy chế quản lý nhân sự, Quy chế lương - thưởng và chế độ cho người lao động, Quy chế quản trị doanh nghiệp, quy chế công bố thông tin...
- Xem xét và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010.
- Xem xét và thông qua phương án hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011.
- Xem xét và thông qua các phương án vay vốn nhằm bổ sung thêm vào nguồn vốn kinh doanh để đầu tư xây dựng các dự án của Công ty.
- Xem xét và thông qua việc nộp hồ sơ niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị đã phát huy vai trò quản lý của mình, phối hợp chặt chẽ với Ban

kiểm soát trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty. Qua xem xét các biên bản cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát nhận thấy các quyết định của HĐQT đều hướng đến mục đích chung là mang lại lợi ích cho Công ty, đảm bảo vai trò định hướng phát triển của công ty theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ Pháp luật Nhà nước.

Hoạt động của Ban Giám đốc điều hành:

Ban Giám đốc điều hành có 2 thành viên, đứng đầu là Giám đốc. Ban điều hành đã có những nỗ lực vượt bậc trong năm 2010, luôn nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, thực hiện nghiêm túc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Giám đốc triển khai thực hiện tốt các quyết định của HĐQT, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên Ban Giám đốc điều hành công việc dựa trên cơ sở nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty trên nguyên tắc tạo ra tài sản cho Cổ đông.

Ban điều hành cũng phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra giám sát hoạt động, cung cấp đầy đủ các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY NĂM 2010

- Căn cứ số liệu báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam. Ban kiểm soát ghi nhận số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam.
- Tóm tắt tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long tại ngày 31/12/2010 như sau :

Tình hình cân đối tài chính năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2010
A. TÀI SẢN	
I. Tài sản ngắn hạn	369.717.088.046
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.519.815.801
2. Phải thu ngắn hạn	60.645.526.640
3. Hàng tồn kho	300.551.745.605
4. Tài sản ngắn hạn khác	-
II. Tài sản dài hạn	74.294.275.490
1. Phải thu dài hạn	64.068.541.828
2. Tài sản cố định	10.208.150.558
3. Tài sản dài hạn khác	17.583.104
TỔNG TÀI SẢN	444.011.363.536
B. NGUỒN VỐN	
I. Nợ phải trả	160.289.760.972
1. Nợ ngắn hạn	85.289.760.972
2. Nợ dài hạn	75.000.000.000
II. Vốn chủ sở hữu	283.721.602.564
1. Vốn chủ sở hữu	283.721.602.564
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	250.000.000.000
- Các quỹ	6.405.892.088
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.315.710.476
2. Nguồn kinh phí và các quỹ	-

khác

TỔNG NGUỒN VỐN **444.011.363.536**

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2010

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2010
1. Tổng doanh thu	163.658.857.554
2. Tổng chi phí	116.739.004.552
3. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	46.919.853.002
4. Lợi nhuận khác	-
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	46.919.853.002
6. Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.859.966.147
7. Lợi nhuận sau thuế	36.059.886.855

Nguồn: BCTC đã được kiểm toán năm 2010

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2010

Đơn vị tính: %

CHỈ TIÊU	NĂM 2010
1. Cơ cấu tài sản	
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	83,27%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	16,73 %
2. Cơ cấu nguồn vốn	
Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	36,10 %
Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	63,90 %
3. Khả năng thanh toán	
Khả năng thanh toán nhanh	0,43 lần
Khả năng thanh toán hiện hành	2,31 lần
4. Tỷ suất lợi nhuận	
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	8,12 %
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ DTT	22,03 %
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	12,71 %

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NHÀ NƯỚC

- Trong năm 2010, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long đã thực hiện tốt các chính sách về thuế và các khoản phải nộp cho ngân sách Nhà nước như kê khai và nộp đầy đủ các khoản thuế,

phí, lệ phí; các khoản Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, và Kinh phí Công đoàn,... Tổng số tiền Công ty đã nộp trong năm 2010 là 12.998.910.993 đồng.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được hưởng đầy đủ các ưu đãi đầu tư về thuế thu nhập doanh nghiệp theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Theo đó, Công ty mới thành lập từ Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn được hưởng các mức ưu đãi như sau:
 - + Hưởng mức thuế suất thuế TNDN 20% trong vòng 10 năm (từ năm 2008-2017);
 - + Miễn 02 năm thuế TNDN phải nộp (2008-2009) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 06 năm kế tiếp (2010-2015) kể từ khi Dự án có thu nhập chịu thuế.

(trừ phần thu nhập từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất).

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUI ĐỊNH CHUNG CỦA CÔNG TY

Tình hình nhân sự

- Về lao động: tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 là 94 người.
- Lương bình quân toàn công ty năm 2010 là 4.000.000 đồng/ người/ tháng.
- Về tiền thưởng: Trong năm 2010 Công ty đã chi thưởng cho Cán bộ - Công nhân viên toàn công ty với số tiền tổng cộng trên 1.170.886.000 đồng.

Tình hình công nợ

- Tình hình công nợ của Công ty đến thời điểm 31/12/2010 đã được theo dõi và kiểm soát chặt chẽ. Tất cả các khoản nợ đang ở trong tình trạng nợ tốt, chưa có dấu hiệu mất khả năng thanh toán.
- Việc xác nhận công nợ trong năm 2010 được thực hiện tốt, công nợ trên sổ sách được đối chiếu chính xác với khách hàng hàng tháng và vào cuối năm 2010.

Thủ tục kiểm soát về nghiệp vụ

- Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện việc giám sát và kiểm tra định kỳ các quy trình, thủ tục nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể tác động xấu đến hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Mọi nghiệp vụ phát sinh đều được phản ánh đầy đủ trung thực và kịp thời trên các sổ sách của Công ty. Đồng thời hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty cũng được thường xuyên cập nhật và chỉnh sửa cho phù hợp với mọi hoạt động, để từng bước được nâng cao sao cho các quy trình và thủ tục ngày càng được hoàn thiện đảm bảo tuân thủ các chính sách của Công ty, Nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông.

NHẬN XÉT

- Năm 2010 là năm tài chính thứ ba, với sự quyết tâm cao của HĐQT và Ban Giám đốc; Công ty đã vượt qua được những khó khăn ban đầu và đã đạt được các kết quả khả quan nhất định.

- HĐQT và Ban Giám đốc có kế hoạch làm việc cụ thể, nhằm xác định các chiến lược của Công ty để phù hợp với từng giai đoạn thực hiện; đã từng bước tạo được lòng tin đối với các đối tác và khách hàng. Mục tiêu của Công ty là lấy chất lượng làm nền tảng để tạo bước phát triển mạnh mẽ và bền vững cho Công ty, và qua đó ngày càng khẳng định vị thế của mình trên thị trường kinh doanh bất động sản của địa phương cũng như trong khu vực.
- HĐQT, Ban Giám đốc đảm bảo việc làm ổn định và tăng thu nhập cho người lao động ngang bằng với xã hội nhưng đồng thời vẫn bảo vệ lợi ích chính đáng của Cổ đông.

Kính thưa Đại hội,

Chúng tôi đã trình bày tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long. Kính trình Đại hội xem xét và thông qua.

Trân trọng !

PVCL, ngày 28 tháng 04 năm 2011

TM. Ban kiểm soát

Trưởng ban



Nguyễn Phương Huyền



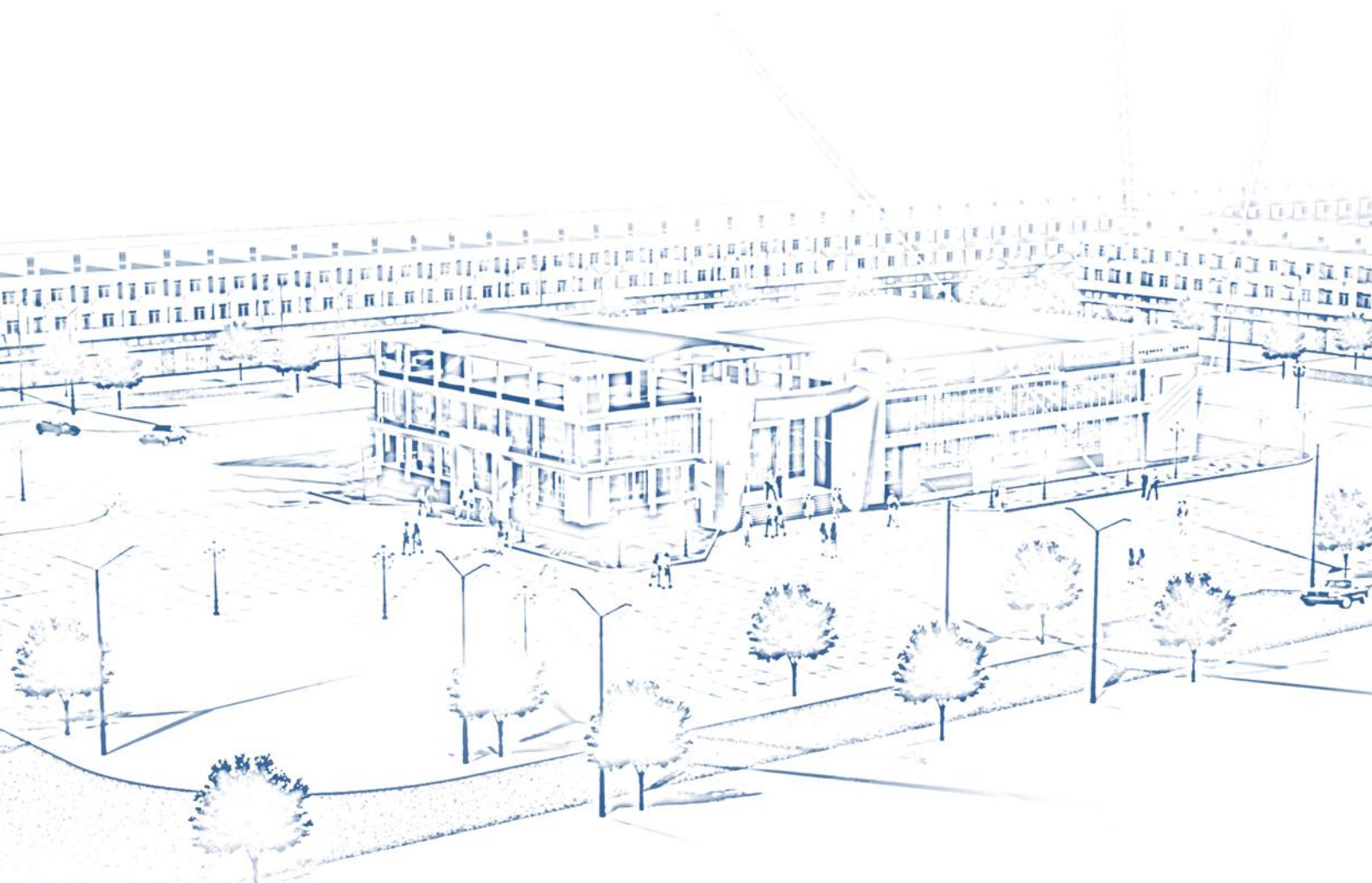
A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ DẦU KHÍ CỬU LONG**

Báo cáo tài chính

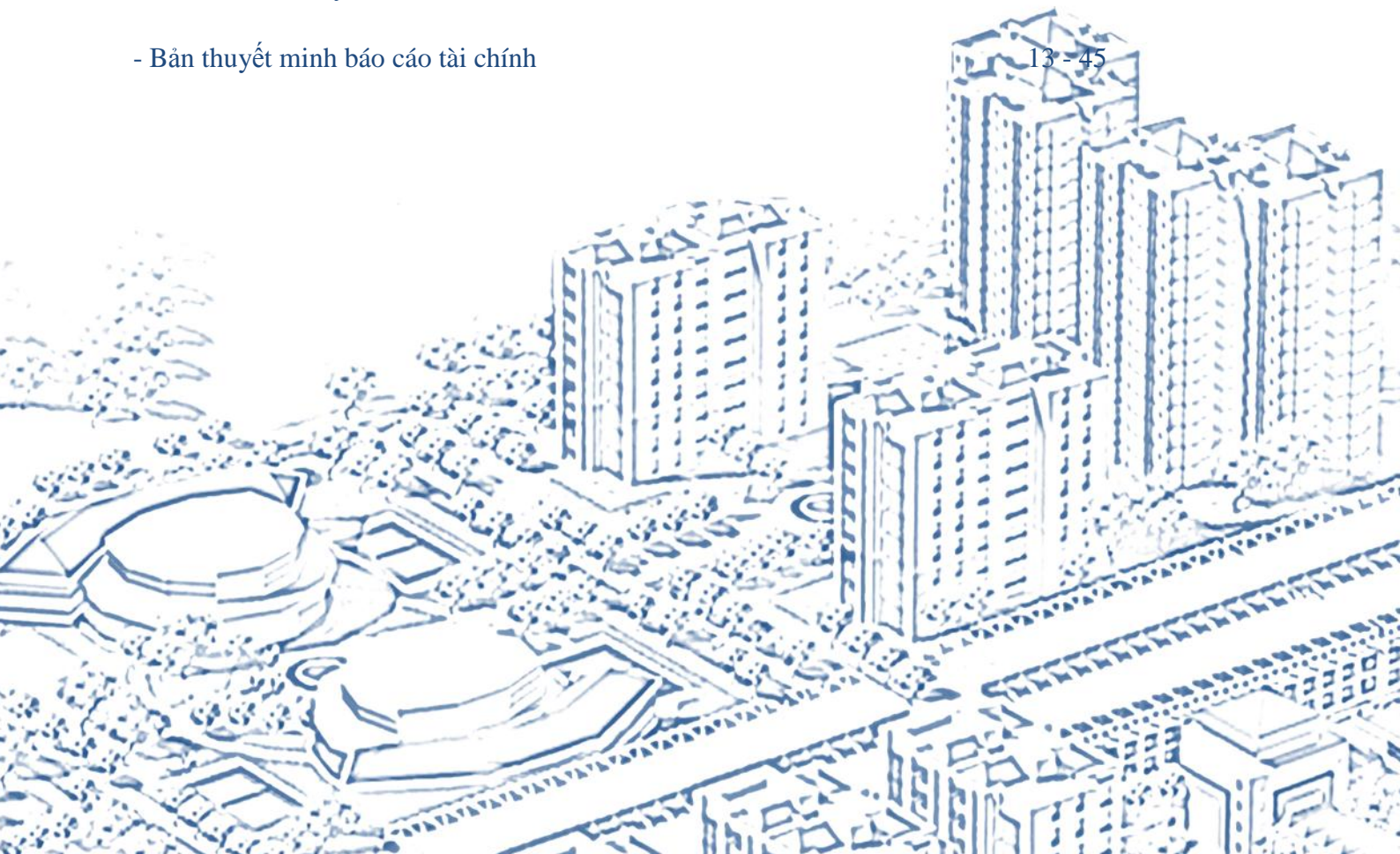
Cho năm tài chính 2010 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 45



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2010, kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 2200280598 ngày 05/12/2007 và thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Sóc Trăng cấp.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Trồng mua bán hoa, cây cảnh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao
- Xây dựng nhà các loại, công trình giao thông, công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, phá vỡ chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi, và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động kiến trúc, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy điều hòa nhiệt độ, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và các thiết bị khác dung trong mạch điện), giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông.
- Thiết kế công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông nông thôn, thủy lợi nông thôn.
- Tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi nông thôn, công nghiệp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 250.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô SL01, đường số 8, Khu đô thị 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010 là: 36.059.886.855 VND;

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2010 là: 27.315.710.476 VND

Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

+ Ông	: Nguyễn Triệu Dũng	Chủ tịch HĐQT
+ Ông	: Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên
+ Ông	: Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên
+ Ông	: Trương Văn Phước	Thành viên
+ Ông	: Dương Thế Nghiêm	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

+ Ông	: Nguyễn Triệu Dũng	Giám đốc
+ Ông	: Huỳnh Minh Quân	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

+ Ông	: Nguyễn Sông Gianh	Trưởng ban kiểm soát
+ Ông	: Trần Văn Bửu	Thành viên
+ Bà	: Nguyễn Phương Huyền	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán phù hợp được tuân thủ; Không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích trong các báo cáo tài chính này;

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long** phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010 của Công ty.

Tp.Sóc Trăng, ngày thángnăm 2011

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Triệu Dũng

Tp.Sóc Trăng, ngày thángnăm 2011

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Triệu Dũng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**

Kính gửi: - **Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**
- **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**
- **Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long** được lập ngày 24 tháng 01 năm 2010 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 06 đến trang 45 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính, đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban lãnh đạo công ty cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2010 kết thúc tại ngày 31/12/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số 0479/KTV

Kiểm toán viên
Đỗ Khắc Thanh

Chứng chỉ KTV số D 0064/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
<u>PHẦN TÀI SẢN</u>				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		369.717.088.046	319.871.778.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	8.519.815.801	10.808.610.311
1. Tiền	111		8.519.815.801	10.808.610.311
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	2	60.645.526.640	60.643.576.145
1. Phải thu của khách hàng	131	2.1	44.945.715.148	15.755.344.800
2. Trả trước cho người bán	132	2.2	15.699.811.492	44.888.231.345
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2.3	-	-
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	3	300.551.745.605	248.414.091.561
1. Hàng tồn kho	141		300.551.745.605	248.414.091.561
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	5.500.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	5.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		74.294.275.490	35.245.363.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	4	64.068.541.828	13.952.270.730
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.1	64.068.541.828	13.952.270.730
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220	5	10.208.150.558	5.069.152.759
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.1	5.066.363.557	5.049.193.034

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
- Nguyên giá	222		6.223.331.206	5.607.406.206
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.156.967.649)	(558.213.172)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.2	30.877.909	19.959.725
- Nguyên giá	228		42.047.000	25.480.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.169.091)	(5.520.775)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5.110.909.092	-
III. Bất động sản đầu tư	240	6	-	16.206.645.000
- Nguyên giá	241		-	16.206.645.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17.583.104	17.295.239
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	7	17.583.104	17.295.239
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)			444.011.363.536	355.117.141.745

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài				
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công				
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi				
4. Nợ khó đòi đã xử lý				
5. Ngoại tệ các loại				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

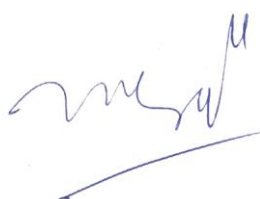
Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu



Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng



Lê Phước Sang

Giám đốc



Nguyễn Triệu Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính 2010

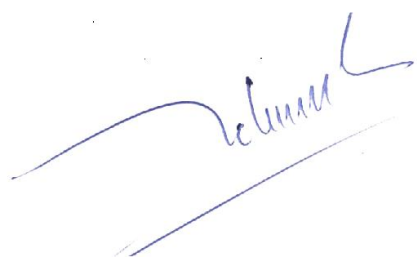
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	11.1	162.333.653.443	44.290.142.632
2. Các khoản giảm trừ	03			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		162.333.653.443	44.290.142.632
4. Giá vốn hàng bán	11	12	111.298.593.891	35.880.666.694
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.035.059.552	8.409.475.938
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	11.2	1.270.658.656	77.671.865
7. Chi phí tài chính	22	13	1.270.658.656	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.270.658.656</i>	
8. Chi phí bán hàng	24	14	590.459.908	404.576.835
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	3.490.391.122	1.632.262.085
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		46.954.208.522	6.450.308.883
11. Thu nhập khác	31		54.545.455	
12. Chi phí khác	32	16	88.900.975	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(34.355.520)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		46.919.853.002	6.450.308.883
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17	10.859.966.147	737.107.434
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	17	36.059.886.855	5.713.201.449
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	1.656	303

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011
Giám đốc





Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Lê Phước Sang

Nguyễn Triệu Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	89.072.481.192	32.797.549.282
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(97.327.134.398)	(56.751.430.531)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.625.345.717)	(3.367.208.681)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(19.582.414.824)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.994.181.664)	(526.658.497)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	160.120.781.646	16.368.326.261
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(187.321.729.959)	(93.932.736.810)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(67.657.543.724)	(105.412.158.976)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(149.744.682)	(189.975.321)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.270.658.656	77.671.865
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.120.913.974	(112.303.456)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	56.736.250.000	10.168.590.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	78.011.585.240	123.998.900.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(70.500.000.000)	(18.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(39.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	64.247.835.240	116.128.090.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.288.794.510)	10.603.627.568
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.808.610.311	204.982.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.519.815.801	10.808.610.311

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Lê Phước Sang

Nguyễn Triệu Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 2200280598 ngày 05/12/2007 và thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Sóc Trăng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: 250.000.000.000 VND.

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là: 250.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô SL01, đường số 8, Khu đô thị 5A, phường 4, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ, sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh : Hoạt động chính của Công ty là

- Trồng mua bán hoa, cây cảnh
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao
- Xây dựng nhà các loại, công trình giao thông, công ích, công trình kỹ thuật dân dụng khác, phá vỡ chuẩn bị mặt bằng.
- Lắp đặt hệ thống điện, cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi, và điều hòa không khí, hệ thống xây dựng khác; hoàn thiện công trình xây dựng, hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động kiến trúc, đo đạc bản đồ, thăm dò địa chất, nguồn nước, tư vấn kỹ thuật có liên quan khác.
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, máy điều hòa nhiệt độ, máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và các thiết bị khác dung trong mạch điện), giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông.
- Thiết kế công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông nông thôn, thủy lợi nông thôn.
- Tư vấn, giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi nông thôn, công nghiệp.

II. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

2.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán, Thông tư hướng dẫn, sửa đổi bổ sung chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

2.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được xử lý như sau:

+ Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên tài khoản chênh lệch tỷ giá, trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số

đư.

+ Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn (trên 1 năm) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính thì được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

6.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|---------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 15 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 08 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |
| - Tài sản cố định vô hình | 05 năm |

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Các chi phí phát sinh lớn và liên quan tới nhiều kỳ kế toán;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010, kết thúc vào ngày 31/12/2010

III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	7.883.321.047	1.475.523.609
Tiền gửi ngân hàng	636.494.754	9.333.086.702
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>636.494.754</i>	<i>9.333.086.702</i>
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Sóc Trăng	74.551.754	6.019.498.255
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - CN Ba Xuyên	11.018.300	-
Ngân hàng NN&PT Nông thôn Việt Nam - PGD Khánh Hưng	3.322.011	3.242.111
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Sóc Trăng	345.504.455	2.301.076.725
Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - CN Sóc Trăng	20.161.761	1.001.083.400
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Trăng	181.936.473	8.186.211
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	8.519.815.801	10.808.610.311

Ghi chú:

- Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 khớp với biên bản kiểm kê thực tế
- Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 31/12/2010 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các sổ phụ, xác nhận số dư của Ngân hàng

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu của khách hàng	44.945.715.148	15.755.344.800
Trả trước cho người bán	15.699.811.492	44.888.231.345
Các khoản phải thu khác	-	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-
Tổng cộng giá trị thuần	60.645.526.640	60.643.576.145

2.1 Chi tiết số dư khoản mục phải thu khách hàng của Công ty tại ngày 31/12/2010 là:

Trong đó:

Cty TNHH Nhân Lực

Cty TNHH TVTK KTXD Bách Việt

Nguyễn Hoàng Phong

Nguyễn Thị Xi

Lê Tuấn Kiệt

30.000.000	
110.294.500	
4.000.000.000	4.000.000.000
4.400.000.000	4.400.000.000
990.000.000	

Nguyễn Thanh Xuân	476.666.668
Lâm Thị Mỹ Phương	209.350.000
Mã Ngọc Hạnh	880.000.000
Nguyễn Hồng Vân	946.333.334
Nguyễn Thị Ngọt	3.780.000
Trần Văn Hai	3.780.000
Trần Thị Chi	3.780.000
Dư Nguyên Luận	3.780.000
Lê Thị Mai Hoa	3.780.000
Huỳnh Thị Phẩm	6.264.000
Đặng Văn Bé	3.780.000
Lê Văn Năm	3.780.000
Lê Thanh Ngô	3.780.000
Nguyễn Ngọc Chín	3.780.000
Nguyễn Thị Quốc	3.780.000
Nguyễn Thị Đẹp	3.780.000
Trần Văn Nghĩa	3.780.000
Trần Thị Hoa	3.780.000
Thái Thị Sen	4.680.000
Trần Thị Hương	3.935.250
Phan Thị Rện	3.780.000
Nguyễn Hà Bình	3.780.000
Lê Thanh Phong	3.780.000
Nguyễn Hoàng Phương	3.780.000
Tạ Văn Vàng	3.780.000
Đặng Thị Mỹ Hạnh	3.780.000
Thạch Khanh	3.780.000
Thạch Hoàng Khương	3.780.000
Thạch Thị Mỹ Hạnh	3.780.000
Vương Hóc Sái	4.050.000
Nguyễn Ngọc Tú	186.970.000
Vũ Đăng Long	167.100.000
Thái Bình Hải	186.970.000
Ngô Kim Ngẫu	186.970.000
Công ty TNHH Minh Đăng	1.200.000.135
Dương Thị Mươi	106.840.000
La Thị Mỹ Hạnh	31.517.800
Trương Kiến Trúc	93.485.000
Tô Minh Quang	146.905.000
Nguyễn Thanh Phương	30.680.000
Lâm Tấn Lộc	186.970.000
Huỳnh Trọng Hữu	146.905.000
Đình Bạt Trung	186.970.000
Chung Tiến Huy	186.970.000
Lâm Ai Thu	228.900.000
Bành Phước Bình	186.970.000
Nguyễn Thị Thành	170.944.000
Đình Văn Đình	170.944.000
Lý Tố Mai	106.840.000
Lý Tố Mai	106.840.000
Nguyễn Phú Cường	186.970.000
Phạm Vinh Quang	186.970.000

<i>Phan Thanh Nhân</i>	26.710.000
<i>Trần Thuận Tân</i>	26.710.000
<i>Huỳnh Văn Giá</i>	221.815.000
<i>Quách Âu Gú</i>	40.330.000
<i>Nguyễn Thành Lợi</i>	101.485.000
<i>Huỳnh Ngọc Ngân</i>	186.970.000
<i>Huỳnh Phương Anh</i>	106.840.000
<i>Mạch Đình Minh Trí</i>	146.970.000
<i>Lương Thị Ánh Hoa</i>	80.130.000
<i>Võ Loan Ánh</i>	33.680.000
<i>Nguyễn Văn Quân</i>	186.970.000
<i>Phùng Diệu Linh</i>	133.550.000
<i>Trịnh Văn Thu</i>	896.000.000
<i>Trần Bá Hồng Phúc</i>	7.516.800
<i>Đào Thị Xiềng</i>	6.264.000
<i>Nguyễn Thị Chính</i>	4.536.000
<i>Hàng Bạch Cúc</i>	3.780.000
<i>Lê Thị Ngọc Trâm</i>	4.536.000
<i>Hứa Thị Lết</i>	3.780.000
<i>Trương Văn Bé</i>	4.536.000
<i>Nguyễn Thị Vẻ</i>	3.780.000
<i>Dương Mỹ Khên</i>	4.536.000
<i>Phạm Văn Mậu</i>	3.780.000
<i>Nguyễn Thanh Bình</i>	4.536.000
<i>Lâm Thanh Nhựt</i>	3.780.000
<i>Phạm Văn Sở</i>	4.536.000
<i>Trịnh Nguyên Kiệt</i>	3.780.000
<i>Đỗ Thị Điền</i>	4.536.000
<i>Nguyễn Thị Mỹ Trinh</i>	3.780.000
<i>Trần Thị Bông</i>	4.536.000
<i>Lý Thị Xuân Huyền</i>	3.780.000
<i>Trần Văn Thanh</i>	4.536.000
<i>Liên Phụng Mỹ</i>	4.680.000
<i>Diệp Hồng Châu</i>	4.536.000
<i>Võ Đệ Tứ</i>	8.920.800
<i>Diệp Đức Ký</i>	4.536.000
<i>Phan Huỳnh Trung</i>	5.292.000
<i>Ngô Thị Lúi</i>	4.536.000
<i>Nguyễn Thị Vân</i>	5.292.000
<i>Nguyễn Thị Mỹ Trinh</i>	10.076.400
<i>Nguyễn Thị Vân</i>	6.678.000
<i>Trần Duy Phương</i>	6.372.000
<i>Nguyễn Việt Anh</i>	8.920.800
<i>Lê Văn Huôi</i>	3.780.000
<i>Lý Văn Chương</i>	5.292.000
<i>Lê Thị Tùng</i>	3.780.000
<i>Vương Thị Hoài Nhi</i>	5.292.000
<i>Chung Hưng</i>	3.780.000
<i>Huỳnh Kim Ngọc</i>	5.292.000
<i>Chung Ngẫu</i>	3.780.000
<i>Huỳnh Kim Ngọc</i>	5.292.000
<i>Nguyễn Phước Hiệp</i>	3.780.000

<i>Trần Thị Đẹp</i>	5.292.000	
<i>Trương Đức</i>	3.780.000	
<i>Dương Thị Mùi</i>	5.292.000	
<i>Lưu Thị Mỹ Loan</i>	3.780.000	
<i>Trần Thị Xuân</i>	5.292.000	
<i>Trần Văn Út</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Ngọc Thương</i>	5.292.000	
<i>Tạ Phó</i>	3.780.000	
<i>Khưu Thị Vón</i>	5.292.000	
<i>Tran Xiêu Hên</i>	3.780.000	
<i>Khưu Thị Vón</i>	5.292.000	
<i>Trần Thị Thu Oanh</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Thành Hiệp</i>	5.292.000	
<i>Nghê Thị Tiên</i>	3.780.000	
<i>Trịnh Trọng Vinh</i>	5.292.000	
<i>Lý Thị Huệ</i>	3.780.000	
<i>Ngô Hi Như</i>	3.780.000	
<i>Triệu Thị Báu</i>	3.780.000	
<i>Trần Quế Anh</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Văn Dũng</i>	5.292.000	
<i>Thái Thị Thanh Liêm</i>	3.780.000	
<i>Lê Vinh Tuyền</i>	3.780.000	
<i>Lê Vinh Tuyền</i>	3.780.000	
<i>Nghê Cúi Ái</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Hoàng Nhi</i>	3.780.000	
<i>Thái Thị Thu Mai</i>	3.780.000	
<i>Trần Khả Lợi</i>	3.780.000	
<i>Phan Thị Thêu</i>	3.780.000	
<i>Lương Văn Hóa</i>	3.780.000	
<i>Trang Xiếu Khiêm</i>	3.780.000	
<i>Nghê Nam Sến</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Thị Việt Thủy</i>	3.780.000	
<i>Hồ Văn Khơi</i>	3.780.000	
<i>Âu Thạnh</i>	3.780.000	
<i>Lưu Minh Đồng</i>	3.780.000	
<i>Quách Thu Hưng</i>	7.560.000	
<i>Nguyễn Hoàng Vũ</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Văn Sơn</i>	5.292.000	
<i>Thạch Bi</i>	3.780.000	
<i>Trần Kim Liêng</i>	5.292.000	
<i>Khưu Văn Long</i>	3.780.000	
<i>Lê Văn Tâm</i>	5.292.000	
<i>Phạm Toàn Vẹn</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Thị Thu Hồng</i>	14.212.800	
<i>Phạm Toàn Vẹn</i>	6.372.000	
<i>Bành Thị Huệ</i>	6.804.000	
<i>Trần Văn Hùng</i>	13.964.400	9.428.400
<i>Hồ Thanh Tài</i>	4.536.000	4.536.000
<i>Dương Thị Hoa</i>	4.536.000	4.536.000
<i>Phạm Thị Năm</i>	4.536.000	
<i>Võ Thị Thanh Tâm</i>	4.536.000	4.536.000
<i>Quách Nghiệp Càn</i>	4.536.000	

<i>Trình Thái</i>	4.536.000	4.536.000
<i>Vương Thị Hoài Nhi</i>	4.536.000	
<i>Nguyễn Thị Lén</i>	9.072.000	
<i>Quách Đình Phương</i>	4.536.000	
<i>Dương Thị Hoa</i>	4.536.000	
<i>Võ Thanh Ngân</i>	4.536.000	
<i>Ông Vĩnh Trực</i>	8.424.000	8.424.000
<i>Trần Thị Mãng</i>	4.536.000	
<i>Lâm Thị tú Đào</i>	5.670.000	
<i>Lâm Thị Hoàng</i>	4.536.000	4.536.000
<i>Phạm Thị Lệ</i>	3.780.000	
<i>Huỳnh Siêu Ghét</i>	4.536.000	
<i>Lương Thị Thu Nga</i>	7.560.000	
<i>Hứa Văn Thiện</i>	4.536.000	
<i>Trần Thị Sáu</i>	4.536.000	
<i>Trần Văn Lực</i>	3.780.000	
<i>Trình Minh Hùng</i>	4.536.000	
<i>Nguyễn Thị Kiều</i>	3.780.000	
<i>Trần Thị Bé</i>	4.536.000	
<i>Lữ Giàu</i>	3.780.000	
<i>Lương Văn Sáu</i>	4.536.000	
<i>Trang Văn Sơn</i>	3.780.000	
<i>Lý Thị Mỹ Hảo</i>	4.536.000	
<i>Trần Thị Ân</i>	3.780.000	
<i>Lý Thị Mỹ Hảo</i>	4.536.000	
<i>Mạch văn Vương</i>	3.780.000	
<i>Lâm Thị Huôi</i>	4.536.000	
<i>Mạch Thanh Thủy</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Minh Hải</i>	4.536.000	
<i>Mạch Thanh Hoa</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Thị Việt Thủy</i>	4.536.000	
<i>Mạch Thanh Thúy</i>	3.780.000	
<i>Phạm Thị Mỹ Nhung</i>	4.536.000	
<i>Mạch Thị Nga</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Văn Xinh</i>	4.536.000	
<i>Tiêu Lý Dân</i>	3.780.000	
<i>Tàu Yến Nhi</i>	4.536.000	
<i>Trần Văn Phát</i>	3.780.000	
<i>Nguyễn Thành Hiệp</i>	4.536.000	
<i>Mai Thị Phấn</i>	3.780.000	
<i>Đặng Thị Nơi</i>	4.536.000	
<i>Trần Tấn Chiến</i>	3.780.000	
<i>Đặng Thị Nơi</i>	4.536.000	
<i>Trần Thị tuyết Hạnh</i>	3.780.000	
<i>Dương Thị Liên</i>	4.536.000	
<i>Nguyễn Thị Kim Phụng</i>	3.780.000	
<i>Bùi Văn Miên</i>	4.536.000	4.536.000
<i>Bùi Văn Miên</i>	4.536.000	4.536.000
<i>Quách Cẩm Hồng</i>	3.780.000	
<i>Tào Ngọc Xuân</i>	3.780.000	
<i>Trương Thế Quyền</i>	4.536.000	
<i>Huỳnh Thị Ánh Tuyết</i>	3.780.000	

Nguyễn Thị Ngọc Mai	4.536.000	
Chung Tấn Đức	3.780.000	
Dương Tố Thơ	4.536.000	4.536.000
Tô Thị thanh Hương	3.780.000	
Lê Hoàng Châu	8.942.400	8.942.400
Phạm Thị Mai Trinh	3.780.000	
Trần Chí Hân	3.780.000	
Nguyễn Thanh Thủy	3.780.000	
Đặng Thị Tạt	3.780.000	
Ngô Thị Thu hà	3.780.000	
Lê Văn Điệp	3.780.000	
Viết Văn Đàm	3.780.000	
Trần Thị Ngọc	3.780.000	
Võ Hoàng Ân	7.452.000	
Lâm Hùng Sơn	9.072.000	
Tiêu Xảo Dung	4.680.000	
Trương Thị Cẩm Hồng	9.072.000	9.072.000
Trịnh Thị Ánh	3.780.000	
Trần văn Thuận	3.780.000	
Võ Văn Đẹp	4.536.000	4.536.000
Trần văn Thuận	3.780.000	
Nguyễn Hoàng Minh	4.536.000	
Quách Hùng	3.780.000	
Phan Văn Liệt	4.536.000	4.536.000
Lý Minh Thiện	3.780.000	
Lý Ngọc Chung	4.536.000	4.536.000
Nguyễn Thanh Triều	3.780.000	
Trần Mỹ LAN	9.072.000	9.072.000
Châu Phong	3.780.000	
Chung Thanh Trang	4.680.000	4.680.000
Quách Kỳ Xuân	3.780.000	
Chung Thanh Dũng	3.780.000	3.780.000
Lê Thanh Phong	6.264.000	
Hữu Thị Hồng	3.780.000	3.780.000
Trần Thị Minh Nguyệt	3.780.000	
Võ Thị Hà	3.780.000	
Huỳnh Thanh Huy	3.780.000	3.780.000
Trần Thị Thu Hải	3.780.000	3.780.000
Hồ Thị Hoàng	3.780.000	3.780.000
Tiêu Minh Phát	3.780.000	3.780.000
Lâm Ngọc Liễu	6.264.000	
Trương Văn Hoài	123.200.000	
Lý Thị Huệ	138.000.000	
Trịnh Thị Ánh	262.000.000	
Trần Thị Điệp	272.000.000	
Lâm Văn Chiêu	266.800.000	
Nguyễn Văn Phúc	100.200.000	
Lý Thị Thu Hồng	115.000.000	
Phạm Minh Phương	322.000.000	
Bùi Ngọc Tường Vy	315.560.000	
Nguyễn Hữu Tài	414.000.000	
Võ Minh Hải	184.000.000	

<i>Dương Tuy Phú</i>	402.500.000	
<i>Trần Thị Chu</i>	63.100.000	
<i>Trần Thu Mộng</i>	52.000.000	
<i>Lâm Thị Kiều Linh</i>	169.000.000	
<i>Trần Thị Bích Phượng</i>	130.000.000	
<i>Trần Việt Hoa</i>	260.000.000	
<i>Lê Thị Bích Châu</i>	130.000.000	
<i>Quách Nguyệt Trang</i>	50.000.000	
<i>Huỳnh Văn Tỏ</i>	52.000.000	
<i>Nguyễn Kim Anh</i>	52.000.000	
<i>Võ Thanh Kỳ</i>	49.000.000	
<i>Trần Thị Mót</i>	208.000.000	364.000.000
<i>Lê Thị Cẩm Như</i>	52.000.000	364.000.000
<i>Hứa Kim Ngọc</i>	52.000.000	468.000.000
<i>Nguyễn Ngọc Tiến</i>	196.000.000	
<i>Trần Luộm Nhỏ</i>	52.000.000	286.000.000
<i>Đỗ Minh Bắc</i>	52.000.000	364.000.000
<i>Phan Thị Thuý Loan</i>	52.000.000	364.000.000
<i>Lâm Thị Thuý Vân</i>	89.000.000	395.000.000
<i>Mai Gia Thịnh</i>	314.000.000	
<i>Hà Thanh Tám</i>	52.000.000	80.000.000
<i>Lâm Thị Sáu</i>	52.000.000	214.000.000
<i>Châu Việt Hùng</i>	167.001.000	
<i>Đỗ thị Loan</i>	33.000.000	
<i>Trần Thị Diệu</i>	109.000.000	
<i>Cao Mỹ Lan</i>	29.000.000	203.000.000
<i>Huỳnh Vinh Lễ</i>	29.000.000	150.800.000
<i>Cao Văn Hòa</i>	29.000.000	203.000.000
<i>Châu Việt Hùng</i>	146.206.000	
<i>Ngô Lê Minh Hiếu</i>	29.000.000	200.000.000
<i>Quách Đình Phương</i>	90.000.000	
<i>Trương Điền Vân</i>	30.500.000	213.500.000
<i>Trần Hữu Khải</i>	91.500.000	213.500.000
<i>Nguyễn Thanh Thúy</i>	29.000.000	
<i>Cao Thông</i>	65.500.000	213.500.000
<i>Trịnh Ngọc Thanh</i>	30.500.000	30.500.000
<i>Trần Thị Mơ</i>	58.000.000	
<i>Quách Mộc Thủy</i>	99.125.000	213.500.000
<i>Huỳnh Văn Á</i>	33.000.000	33.000.000
<i>Tạ văn Phương</i>	88.750.000	
<i>Hứa Thị Kim Huôi</i>	30.500.000	213.500.000
<i>Huỳnh Khánh Tài</i>	29.000.000	
<i>Traân Phương Thúy</i>	87.687.500	
<i>Bùi Thanh Nghị</i>	29.000.000	159.500.000
<i>Nguyễn văn Hùng</i>	71.625.000	
<i>Đặng Thị Thu Hồng</i>	29.000.000	
<i>Trần Thị Thu</i>	60.500.000	
<i>Trần Thanh Nhân</i>	263.500.000	283.500.000
<i>Khưu Thị Vón</i>	30.500.000	
<i>Ngô Huệ Phần</i>	69.300.000	213.500.000
<i>Huỳnh Ngọc Minh</i>	123.500.000	
<i>Trần Khánh Vân</i>	657.873.000	1.025.500.000

Nguyễn Văn Thống	29.000.000	29.000.000
Đỗ Minh	29.000.000	
Trần Khả Láng	28.420.000	28.420.000
Virus Thị Hồng Liên	29.000.000	29.000.000
Nguyễn Tấn Huy	29.000.000	29.000.000
Lâm Quốc Tuấn	129.000.000	
Huỳnh Minh kỳ	28.710.000	28.710.000
Đào Lâm Tố Phụng	29.000.000	150.800.000
Nguyễn Thị Hồng Tươi	28.420.000	28.420.000
Võ Thanh Tú	29.000.000	47.000.000
Đỗ Thị Kiều Diễm	29.000.000	29.000.000
Trần Thị Hường	43.000.000	70.000.000
Nguyễn Thanh Tuấn	58.000.000	29.000.000
Lương Thanh Xiêm	78.000.000	173.000.000
Bùi Văn Dôn	35.000.000	35.000.000
Huỳnh Liên Trung		58.000.000
Vũ Mạnh Hào	29.000.000	
Lâm Văn Lợi	29.000.000	
Nguyễn Thành Hiệp	856.746.812	
Nguyễn Văn Dân	13.217.200	
Trần Thị Phong Huy	12.490.648	
Trần Thị Phương Thế	12.418.550	
Hồng Thị Mỹ Phương	33.905.500	
Huỳnh hoàng	123.638.515	
Lâm Quang Vĩnh Điền	12.429.650	
Trần Văn Tình	98.963.550	
Trần Văn Thanh	197.671.124	
Dương Bích Phượng	114.750.000	
Trần Hồng Tươi	13.247.550	
Lê Hiền Đệ	13.299.000	
Đào Thanh Luận	13.319.750	
Đào Mỹ Hằng	13.206.050	
Đào Công Phát	13.075.450	
Lý Văn Nhện	13.079.100	
Nguyễn Thanh Liêm	26.000.548	
Thạch Som	24.564.700	
Nguyễn Ngọc Lan	49.880.761	
Nguyễn Văn Lực	551.381.000	
Nguyễn Thị Thanh Thảo	95.451.616	
Huỳnh Gia Khoa	131.787.000	
Nguyễn Kim Phụng	33.989.823	
Cao Thị Cẩm	67.414.934	
Nguyễn Thị Bích Dung	22.176.000	
Nguy Bá Tùng	135.883.225	
Dương Thế Nghiêm	104.390.000	
Phan Nguyễn Bình Phương	94.802.250	
Trần Phương Đông	186.278.400	
Trần Tín Nghĩa	122.189.567	
Nguyễn Thanh Huy	13.305.600	
Trịnh Minh Hậu	94.802.250	
Trương Văn Lợi	13.305.600	
Phạm Thị Thi	122.189.567	

<i>Huỳnh Kim Oanh</i>	13.305.600
<i>Đặng Phước Thọ</i>	135.883.225
<i>Vương Văn cáo</i>	13.307.600
<i>Huỳnh Quốc Hùng</i>	480.331.400
<i>Huỳnh Kim Vốn</i>	13.307.600
<i>Nguyễn Văn Sơn</i>	13.305.600
<i>Trần Lý Vĩnh Đoàn</i>	78.369.860
<i>Nguyễn Thị Tuyết</i>	13.305.600
<i>Trần Thị Mận</i>	170.111.040
<i>Tiêu Tuấn Minh</i>	20.400.000
<i>Bùi Thanh Khiết</i>	102.060.000
<i>Nguyễn Hoàng Tuấn</i>	204.120.000
<i>Dương Hoàng Tâm</i>	196.878.500
<i>Quách Hạp</i>	198.009.700
<i>Nguyễn Thị Mai</i>	112.266.000
<i>Lê Thanh Tùng</i>	112.266.000
<i>Bùi Minh Châu</i>	112.266.000
<i>Trần Quốc sở</i>	311.112.000
<i>Tạ Quang Cư</i>	200.719.884
<i>Lâm Quang Vĩnh Điền</i>	676.658.550
<i>Lê Văn Ngon</i>	13.514.000
<i>Bành Phước Long</i>	16.038.000
<i>Trương Công Khanh</i>	27.028.000
<i>Trương Minh Tâm</i>	16.038.000
<i>Trần Bảo Hiến</i>	84.532.000
<i>Trần Hồng Tươi</i>	39.150.900
<i>Trần ngọc bảo hương</i>	159.113.625
<i>Phạm Tân Khoa</i>	111.280.000
<i>Trịnh Minh Bình</i>	239.888.600
<i>Trần Ngọc Thống</i>	255.833.200
<i>Lê Trọng Nghĩa</i>	241.152.800
<i>Lê Minh Tâm</i>	214.220.300
<i>Trần Phước Khanh</i>	104.328.000
<i>Ngô Huệ Phần</i>	174.900.644
<i>Qua Hùng Cường</i>	248.701.250
<i>Trần Thị Ngọc Đình</i>	175.569.935
<i>Vương phi hùng</i>	12.600.000
<i>Trương Tú Trạch</i>	106.686.756
<i>Lương Kim Xứng</i>	57.685.488
<i>Ngô Trí Thức</i>	89.812.874
<i>Huỳnh Thị Ngọc Tuyết</i>	25.280.600
<i>Trần Thị Mộng Thu</i>	167.650.700
<i>Nguyễn Thị Phượng Trang</i>	189.604.500
<i>Ngô Văn Châu</i>	167.650.700
<i>Nguyễn Tấn Đạt</i>	167.650.700
<i>Huỳnh Tăng Cuôi</i>	12.640.300
<i>Trần Thị Hoàng Oanh</i>	167.650.700
<i>Trần Hữu Hậu</i>	91.928.000
<i>Trần Minh Thành</i>	78.369.860
<i>Cty TNHH ĐT-XD Chánh Hưng</i>	189.466.062
<i>Lý Thị Bích</i>	224.820.400
<i>Huỳnh Thị Ngân</i>	18.389.850

<i>Đoàn Hữu Học</i>	205.039.100	
<i>Huỳnh Thị Ngân</i>	17.087.800	
<i>Quách Thanh Lâm</i>	167.650.700	
<i>Trần Thu Ba</i>	12.700.000	
<i>Qua Hùng Cường</i>	167.650.700	
<i>Nguyễn Thanh Bình</i>	12.700.000	
<i>Mạnh Thiều Hoa</i>	128.731.787	
<i>Nguyễn Thị Thu Ba</i>	12.700.000	
<i>Mạnh Thiều Hoa</i>	128.731.787	
<i>Liêu Thị Dung</i>	53.975.000	
<i>Mạnh Thiều Hoa</i>	128.731.787	
<i>Quách Thị Xuân</i>	81.285.068	
<i>Quách Tấn Phát</i>	13.970.880	
<i>Phạm Văn Hoàng Phong</i>	167.650.700	
<i>Nguyễn Văn Tam</i>	25.148.000	
<i>Trịnh Trọng Vinh</i>	257.463.574	
<i>Khru Tuyết Hạnh</i>	101.608.000	
<i>Huỳnh Xiu Mão</i>	18.593.300	
<i>Hứa Thành</i>	226.885.000	
<i>Nguyễn Thị Liễu</i>	2.487.910.350	
<i>Nguyễn Hoàng Anh</i>	1.172.449.000	
<i>Võ Thị Lệ Hằng</i>	69.520.200	
<i>Châu Thanh Phong</i>	241.600.319	
<i>Trần Văn Hiệp</i>	64.480.800	
<i>Trần Bình</i>	27.808.700	
<i>Thái Vương Hoàng Huy</i>	27.774.650	
<i>Hà Thanh Tám</i>	50.000.000	
<i>Nguyễn Hữu Thành</i>	115.000.000	
<i>Hoàng Văn Thanh</i>	147.586.666	
<i>Lê Thanh Tuyền</i>	57.788.500	
Tổng cộng	44.945.715.148	15.755.344.800

2.2 Chi tiết số dư khoản mục trả trước cho người bán của Công ty tại ngày 31/12/2010 là:

Trong đó:

<i>DNTN Tuấn An</i>	145.000.000	262.548.000
<i>Cty TNHH Nhân Lực</i>	13.805.646.050	44.211.903.347
<i>DNTN Hồng Khanh</i>	150.000.000	
<i>Cty Điện Lực Sóc Trăng</i>	63.408.000	
<i>Cty TNHH Khởi Nguyên</i>	45.000.000	
<i>Cty TNHH Hữu Nghĩa</i>	20.000.000	
<i>Cty TNHH Tài Lực</i>	702.146.749	
<i>Cty CP XD Điện Hùng Phát</i>	176.000.000	
<i>Cty Cấp nước Sóc Trăng</i>		67.029.998
<i>Cty TNHH Tân năm Châu</i>		167.000.000
<i>Cty CP Cơ điện Cần Thơ</i>		155.000.000
<i>Cty CP Chứng Khoán Thăng Long-CN TP.HCM</i>		10.000.000
<i>Cty Chứng khoán SME</i>	330.000.000	
<i>Cty TNHH TMDV ĐT&XD Gia Phú</i>	50.000.000	
<i>Cty TNHH TM & Kỹ thuật lạnh Đức Thuận</i>	212.610.693	
<i>Cty TNHH SX phim Chuyên đề</i>		14.750.000

Tổng cộng	15.699.811.492	44.888.231.345
------------------	-----------------------	-----------------------

3. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	828.475.532	741.911.125
- Công cụ, dụng cụ		
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	243.327.948.455	238.694.396.348
- Thành phẩm	25.808.053.982	8.977.784.088
- Hàng hoá		
- Hàng gửi đi bán		
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản	30.587.267.636	
Giá gốc của hàng tồn kho	300.551.745.605	248.414.091.561

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
4.1 Phải thu dài hạn khách hàng	64.068.541.828	13.952.270.730

Chi tiết số dư khoản mục trả trước cho người bán của Công ty tại ngày 31/12/2010 là:

Trong đó:

<i>DNTN Trí Mỹ</i>	16.951.788.000	
<i>Nguyễn Thị Thanh Thủy</i>	8.696.064.096	
<i>Cty TNHH Nhân Lực</i>	8.444.800.000	
<i>Nguyễn Thị Xi</i>	1.070.992.000	
<i>Nguyễn Kim Hồng Đào</i>	1.070.992.000	
<i>Lý Bích Quyên</i>	1.040.000.000	
<i>Nguyễn Thị Thanh Thủy</i>	1.040.000.000	
<i>Mai Thị Hồng Nga</i>	1.040.000.000	
<i>Nguyễn Hoàng Nhã</i>	1.040.000.000	
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>	1.071.408.000	
<i>Trương Nguyễn Phương Vy</i>	1.071.408.000	
<i>Trần Thị Kiều Trang</i>	240.390.000	
<i>Đặng Hoàng Chiêu</i>	239.090.000	
<i>Nguyễn Thị Tường Vi</i>	240.390.000	
<i>Phan Văn Luận</i>	34.580.000	
<i>Trần Đông Hải</i>	146.905.000	
<i>Tạ Ngọc Hậu</i>	168.000.000	
<i>Nguyễn Thị Phương Hoàng</i>	174.970.000	
<i>Trịnh Thị Bạch Tuyết</i>	168.244.999	
<i>Trần Anh Tuấn</i>	239.090.000	
<i>Nguyễn Anh Dũng</i>	186.970.000	
<i>Nguyễn Quốc Việt</i>	285.000.000	
<i>Nguyễn Thị Thúy Hồng</i>	364.000.000	
<i>Chương Tường Anh</i>	208.000.000	
<i>Trần Hữu Khải</i>	609.799.999	
<i>Huỳnh Thị Kim Phương</i>	347.761.000	

Dương Minh Thêm	364.000.000	364.000.000
Nguyễn Ngọc tiến		364.000.000
Võ Thị Lệ Hằng	104.000.000	728.000.000
Mai Gia Thịnh		364.000.000
Dương Mậu	52.000.000	364.000.000
Lê Minh Kỳ	145.984.000	497.000.000
Nguyễn Thị Mỹ Hạnh		190.000.000
Hữu Thị Hà	100.000.000	203.000.000
Phạm Thị Mỹ Nhung	73.333.335	
Phạm Thanh Bình	203.000.000	203.000.000
Huỳnh Minh Quân	778.944.000	
Quách Dự Huy	200.000.000	203.000.000
Phan Văn Liệt	213.500.000	
Nguyễn Văn Xuyên	179.000.000	201.000.000
Hà Thanh Ngâu	181.475.000	213.500.000
Nguyễn Thị Thanh Nga	84.000.000	
Trần Hữu Khải		427.000.000
Huỳnh Thanh Mãi	29.000.000	203.000.000
Nguyễn Thanh Thủy		203.000.000
Nguyễn Thành Duy	32.000.000	203.000.000
Đặng Thị Ngọc Diệp	197.000.000	203.000.000
Trần Thống Nhất	213.500.000	
Lưu Tấn Phúc	30.500.000	
Ngô Thanh Thà	30.500.000	
Tạ Văn Phương		248.500.000
Huỳnh Khánh Tài		203.000.000
Đặng Thị Thu Hồng		203.000.000
Trần Thị Thu		213.500.000
Trương Trúc Linh	413.147.400	457.237.400
Trương Mỹ Hương	101.499.994	130.499.998
Ngân Văn Nam	32.000.000	203.000.000
Khuu Ngọc Dung	29.000.000	90.000.000
Lý Mỹ Loan	186.083.335	203.000.000
Trần Thị Bạch Tuyết	204.400.000	220.300.000
Hà Thị Thẹn		103.000.000
Nguyễn Thanh Tâm	131.950.007	172.550.003
Trần Minh Hải	140.000.000	220.000.000
Phạm Thanh Long	233.400.000	249.300.000
Lâm Quốc Tuấn		203.000.000
Huỳnh Thanh Sang	91.499.994	128.083.331
Trần Minh Thọ	29.000.000	120.833.330
Dương Bảo Châu	240.900.000	255.800.000
Nguyễn Phương Huyền	240.900.000	251.900.000
Trần Văn Bửu	75.000.000	145.000.000
Lê Phước Sang	63.040.000	315.200.000
Lê Thị Xuân Lang	242.200.000	276.800.000
Liêu Hải Triều	227.400.000	243.900.000
Huỳnh Hoàng Thảo	179.000.000	187.000.000
Nguyễn Duy Khang	32.000.000	261.000.000
Ngô Thanh Vũ	227.400.000	243.900.000
Kim Ngọc Long	227.400.000	243.900.000
Ngô Thị Cẩm Nương	222.000.000	236.000.000

<i>Nguyễn Ngọc Danh</i>	176.666.669	186.666.668
<i>Ngô Thị Kiều Tiên</i>	193.000.000	270.000.000
<i>Trần Thị Cẩm Dung</i>	236.400.000	248.000.000
<i>Bùi Thanh Long</i>	227.400.000	243.900.000
<i>Nguyễn Thanh Tuấn</i>		145.000.000
<i>Võ Thị Hồng Liên</i>	184.000.000	208.000.000
<i>Trần Thị Ngọc Huệ</i>	101.000.000	121.000.000
<i>Trương Thanh Khải</i>	173.000.000	189.000.000
<i>Nguyễn Thanh Bình</i>		181.000.000
<i>Nguyễn Văn Cường</i>	259.700.000	
<i>Đào Trường Hận</i>	161.000.000	181.000.000
<i>Nguyễn Thanh Tùng</i>	155.000.000	185.000.000
<i>Lê Tấn Lộc</i>	194.000.000	214.000.000
<i>Trần Thị Xuân Hoa</i>	203.000.000	203.000.000
<i>Nguyễn Thúy Ái</i>	184.000.000	214.000.000
<i>Nguyễn Kim Hồng Đào</i>	1.560.000.000	
<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>	1.560.000.000	
<i>Cty TNHH Tài Lực</i>	5.528.775.000	
<i>Tổng cộng</i>	64.068.541.828	13.952.270.730

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010, kết thúc vào ngày 31/12/2010

5. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH, TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

5.1. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ	4.041.278.472	118.181.818	1.208.492.600	239.453.316		5.607.406.206
2. Số tăng trong kỳ	-	115.000.000	607.150.000	-	-	722.150.000
- Mua sắm mới		115.000.000	607.150.000			722.150.000
- Xây dựng mới						-
- Tăng do góp vốn						-
3. Số giảm trong kỳ		-	106.225.000	-	-	106.225.000
- Thanh lý, nhượng bán			106.225.000			106.225.000
- Giảm khác						-
4. Số dư cuối kỳ	4.041.278.472	233.181.818	1.709.417.600	239.453.316	-	6.223.331.206
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu kỳ	274.883.139	29.545.464	150.012.574	103.771.995		558.213.172
2. Khấu hao trong kỳ	354.477.612	24.356.068	208.796.959	64.236.330	-	651.866.969
- Khấu hao tăng trong kỳ	354.477.612	24.356.068	208.796.959	64.236.330		651.866.969
- Tăng khác	-	-	-	-		-
3. Giảm trong kỳ	-	-	53.112.492	-	-	53.112.492
- Thanh lý nhượng bán			53.112.492			53.112.492
- Chuyển sang TS						-
4. Số dư cuối kỳ	629.360.751	53.901.532	305.697.041	168.008.325	-	1.156.967.649
III. Giá trị còn lại của TSCĐ						
1. Tại ngày đầu kỳ	3.766.395.333	88.636.354	1.058.480.026	135.681.321	-	5.049.193.034
2. Tại ngày cuối kỳ	3.411.917.721	179.280.286	1.403.720.559	71.444.991	-	5.066.363.557

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010, kết thúc vào ngày 31/12/2010

Đơn vị
tính: VND

5.2. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu kỳ			25.480.500		25.480.500
2. Số tăng trong kỳ	-	-	16.566.500	-	16.566.500
- Mua trong kỳ			16.566.500		16.566.500
- Tạo ra từ nội bộ DN					-
- Tăng khác (*)					-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	42.047.000	-	42.047.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu kỳ			5.520.775		5.520.775
2. Khấu hao trong kỳ			5.648.316		5.648.316
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
- Thanh lý nhượng bán			-		-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	11.169.091	-	11.169.091
III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH					
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	19.959.725	-	19.959.725
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	30.877.909	-	30.877.909

6. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I. Nguyên giá BĐS đầu tư	16.206.645.000	-	16.206.645.000	-
1. Quyền sử dụng đất				-
2. Nhà				-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	16.206.645.000		16.206.645.000	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	-
1. Quyền sử dụng đất				-
2. Nhà				-
3. Nhà và quyền sử dụng đất				-
III. Giá trị còn lại BĐS đầu tư	16.206.645.000	-	16.206.645.000	-
1. Quyền sử dụng đất				-
2. Nhà				-
3. Nhà và quyền sử dụng đất	16.206.645.000	-	16.206.645.000	-

Ghi chú : - khoản bất động sản đầu tư được điều chỉnh về tài khoản hàng hóa tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010, kết thúc vào ngày 31/12/2010

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Tổng cộng**

31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
17.583.104	17.295.239
17.583.104	17.295.239

8. NỢ NGẮN HẠN

- Vay và nợ ngắn hạn
 - Phải trả cho người bán
 - Người mua trả tiền trước
 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
 - Phải trả người lao động
 - Chi phí phải trả
 - Quỹ khen thưởng và phúc lợi
- Tổng cộng**

31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
72.500.000.000	23.000.000.000
3.248.659.545	24.619.045.605
1.658.060.100	10.843.423.012
5.120.866.601	1.024.596.027
-	-
-	490.416.666
2.762.174.726	608.206.040
85.289.760.972	60.585.687.350

8.1 Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2010

Trong đó:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-CN ST

Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam - CN Sóc Trăng

Ngân hàng nhà ĐB Sông Cửu

Long

Tổng cộng

42.000.000.000	18.000.000.000
21.000.000.000	5.000.000.000
9.500.000.000	
72.500.000.000	23.000.000.000

Ghi chú:

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Hạn mức		Hình thức đảm bảo khoản vay
770/HĐTD	02/04/2010 12 tháng		Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	50 tỷ VND	-	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
Cộng					42.000.000.000	

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Hạn mức	-	Hình thức đảm bảo khoản vay
448/NHNT.ST	25/08/2010 tháng	12	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	25 tỷ VND	21.000.000.000	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
Cộng					21.000.000.000	

+ Số dư khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL - Chi nhánh Sóc Trăng là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Hạn mức	-	Hình thức đảm bảo khoản vay
0044.10/HĐTD	14/04/2010 tháng	12 tháng	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	9,5 tỷ VND	9.500.000.000	Thế chấp QSD đất khu đô thị 5A
Cộng					9.500.000.000	

8.2 Chi tiết số dư khoản mục phải trả người bán của Công ty tại ngày 31/12/2010 là:

Trong đó:

Cty TNHH Trung Hưng Mỹ Xuyên	128.240.000	1.193.688.563
Cty TNHH Ba Xuyên		244.390.716
DNTN Bà Triệu	18.584.992	60.315.030
Cửa hàng VLXD Tân Hiệp	173.026.203	20.137.691.747
Cty TNHH Nhân Lực	336.878.013	895.705.500
Công ty TNHH Tấn Phát		
DNTN Hùng	464.003.945	
CH Hưng Trung		453.137.760
Cty CP XD Sóc Trăng		734.660.080
Hiệu Buôn Trần Liên Hưng	34.739.500	21.727.000
DNTN Đường Quý	82.548.300	212.807.861
Cty TNHH Tài Lực	1.591.882.156	
Cty TNHH Khánh Vân	134.221.800	140.230.260
Cty TNHH Nguyễn Tài	139.907.936	
Cty TNHH Nguyễn Hùng Phát	144.626.700	
DNTN Thuận Phong		201.266.238
CS Bùi Văn Tân		117.200.000
DNTN TM Vận tải thủy Trung Hiếu		206.224.850
Tổng cộng	3.248.659.545	24.619.045.605

8.3 Chi tiết số dư khoản mục người mua trả tiền trước của Công ty tại ngày 31/12/2010 là:

Trong đó:

Trương Văn Phước		100.000.000
------------------	--	-------------

<i>Trần Bá Hồng Phúc</i>	50.000.000
<i>Nguyễn Văn Phúc</i>	40.330.000
<i>Trần Thị Phong Huy</i>	10.000.000
<i>Trần Thị Phương Thế</i>	10.000.000
<i>Trần Văn Thanh</i>	86.184.000
<i>Lý Văn Chương</i>	126.388.000
<i>Khuru Văn Long</i>	20.000.000
<i>Chương Khả Phương</i>	8.000.000
<i>Châu Việt Hùng</i>	10.000.000
<i>Võ Đệ Tứ</i>	169.495.200
<i>Phan Huỳnh Trung</i>	20.000.000
<i>Nguyễn Việt Anh</i>	169.495.200
<i>Lê Văn Huôi</i>	71.820.000
<i>Chung Hưng</i>	71.820.000
<i>Huỳnh Kim Ngọc</i>	42.336.000
<i>Chung Ngẫu</i>	71.820.000
<i>Trần Văn Út</i>	71.820.000
<i>Lê Vinh Tuyên</i>	143.640.000
<i>Trần Khả Lợi</i>	71.820.000
<i>Trang Xiếu Khiếm</i>	15.120.000
<i>Nguyễn Thị Việt Thủy</i>	71.820.000
<i>Hồ Văn Khôi</i>	71.820.000
<i>Áu Thạnh</i>	71.820.000
<i>Bành Thị Huê</i>	100.276.000
<i>Trần Thị Ngọc</i>	71.820.000
<i>Võ Hoàng Ân</i>	141.588.000
<i>Lâm Hùng Sơn</i>	166.184.000
<i>Nguyễn Hoàng Minh</i>	18.000.000
<i>Nguyễn Thanh Triều</i>	71.820.000
<i>Tiêu Ngọc Điệp</i>	8.000.000
<i>Trương Văn Hoài</i>	150.000.000
<i>Nguyễn Thị Thu Lan</i>	5.000.000
<i>Trần Thị Chu</i>	283.950.000
<i>Trần Thu Mộng</i>	156.000.000
<i>Nguyễn Thị Thủy Hồng</i>	52.000.000
<i>Lâm Thị Kiều Linh</i>	52.000.000
<i>Trần Thị Bích Phượng</i>	52.000.000
<i>Trần Hữu Khải</i>	312.000.000
<i>Huỳnh Thị Kim Phượng</i>	10.000.000
<i>Trần Việt Hoa</i>	10.000.000
<i>Lê Thị Bích Châu</i>	52.000.000
<i>Quách Nguyệt Trang</i>	450.000.000
<i>Huỳnh Văn Tố</i>	52.000.000
<i>Nguyễn Kim Anh</i>	156.000.000
<i>Võ Thanh Kỳ</i>	145.000.000
<i>Châu Phước</i>	33.000.000
<i>Phạm Thị Mỹ Nhung</i>	2.000.000
<i>Huỳnh Minh Quân</i>	5.000.000
<i>Phan Văn Liệt</i>	30.500.000
<i>Quách Đình Phương</i>	2.000.000
<i>Nguyễn Thị Thanh Nga</i>	2.000.000
<i>Chương Khả Phương</i>	10.000.000

Trần Thống Nhất	10.000.000
Đỗ Minh Bắc	10.000.000
Lưu Tấn Phúc	5.000.000
Trần Phương Thủy	10.000.000
Nguyễn Văn Hùng	10.000.000
Ngô Thanh Thà	30.500.000
Khuru Thị Vón	30.500.000
Huyền Ngọc Minh	45.750.000
Nguyễn Văn Dân	76.378.800
Đào thanh Luận	5.000.000
Đào Công Phát	5.000.000
Đào Mỹ Hằng	5.000.000
Đào Công Phát	5.000.000
Lý Văn Nhện	248.502.900
Nguyễn Thanh Liêm	240.505.088
Thạch Som	172.530.000
Huyền Ngô Đan Hùng	45.870.000
NGUYỄN THỊ THANH THẢO	312.465.384
NGUYỄN KIM PHỤNG	205.960.000
Nguyễn Thị Bích Dung	110.880.000
Dương Thế Nghiêm	117.370.000
Trần Phương Đông	79.833.600
Nguyễn Thanh Huy	26.611.200
Trương Văn Lợi	26.611.200
Huyền Kim Oanh	30.000.000
Vương Văn Cáo	50.000.000
Huyền Kim Vón	50.000.000
Nguyễn Văn Sơn	10.000.000
Nguyễn Thị Tuyết	21.000.000
Tiêu Tuấn Minh	228.480.000
Tạ Quang Cư	167.000.000
Lê Văn Ngon	256.766.000
Bành Phước Long	32.076.000
Trương Công Khanh	513.532.000
Trương Minh Tâm	32.076.000
Phạm Tân Khoa	55.640.000
Dương Quốc Đạt	42.410.000
Vương Phi Hùng	108.360.000
Lương Kim Xứng	5.000.000
Nguyễn Phước Hưng	66.876.000
Huyền Thị Ngọc Tuyết	184.548.380
Huyền Tăng Cuôi	75.841.800
Trần Hữu Hậu	68.946.000
Huyền Thị Ngân	212.865.900
Trần Thu Ba	117.475.000
Nguyễn Thanh Bình	117.475.000
Nguyễn Thị Thu Ba	117.475.000
Liêu Thị Dung	117.475.000
Lê Văn Hồng	10.000.000
Quách Tấn Phát	83.825.280
Nguyễn Văn Tam	411.766.800
Khuru Tuyết Hạnh	76.206.000

Huỳnh Xiu Mão		159.902.380
Hứa Thành		34.200.000
Võ Thị Lệ Hằng		550.687.200
Lê Minh Kỳ		10.000.000
Trần Văn Hiệp		168.396.000
Trần Bình		55.617.400
Thái Vương Hoàng Huy		55.549.300
Hà Thanh Tám		500.000.000
Hoàng Văn Thanh		10.000.000
Phạm Văn Khải		5.000.000
Cty TNHH Nhân Lực	480.000.000	
Cty TNHH Tài Lực	450.000.000	
Cty TNHH Thuận Tiến	85.800.000	
Cty CP TVKD XD Miền Tây	171.600.000	
Nguyễn Hồng Thái	20.000.000	
Trần Thanh Quân	10.000.000	
Lâm Thu Hương	10.000.000	
Mai Thị Đào	10.000.000	
Trang Minh Trung	28.000.000	
Huỳnh Tiết Ngân	10.000.000	
Ngô Ngọc Tân	26.710.000	
Nguyễn Ngọc Minh	121.500.000	
Trần Nghĩa	30.000.000	
Nguyễn Trần Xuân Thảo	10.000.000	
Quách Uyên Ly	40.000.000	
Tiêu Văn Nhanh	10.000.000	
Nguyễn Tuấn Kiệt	46.000.000	
Lý Quốc Tuấn	46.000.000	
Trần Hữu Tuấn	28.500.000	
Trương Thị Ngọc Dung	23.950.100	
Tổng cộng	1.658.060.100	10.843.423.012

8.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

8.4.1 Thuế phải nộp nhà nước

1. Thuế GTGT
2. Thuế TTĐB
3. Thuế xuất, nhập khẩu
4. Thuế TNDN
5. Thuế TNCN
6. Thuế tài nguyên
7. Thuế nhà đất
8. Tiền thuê đất
9. Các loại thuế khác

8.4.2 Các khoản phải nộp khác

- Các khoản phí, lệ phí
- Các khoản phải nộp khác

Tổng cộng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
	5.120.866.601	1.024.596.027
1. Thuế GTGT	1.143.996.745	594.992.452
2. Thuế TTĐB		
3. Thuế xuất, nhập khẩu		
4. Thuế TNDN	3.915.512.900	429.603.575
5. Thuế TNCN	38.156.956	
6. Thuế tài nguyên		
7. Thuế nhà đất		
8. Tiền thuê đất		
9. Các loại thuế khác	23.200.000	
8.4.2 Các khoản phải nộp khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-
Tổng cộng	5.120.866.601	1.024.596.027

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. NỢ DÀI HẠN

9.1 Vay dài hạn

Chi tiết số dư khoản mục vay dài hạn là:

Trong đó:

Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí VN - CN Cần Thơ

Ngân hàng Vietcombank Sóc Trăng

Tổng cộng

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
	75.000.000.000	100.000.000.000
	75.000.000.000	100.000.000.000
	75.000.000.000	100.000.000.000

Ghi chú:

+ Số dư khoản vay dài hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ là của hợp đồng tín dụng sau:

Số HĐ	Ngày hợp đồng	Thời hạn	Lãi suất	Hạn mức	Số dư tại ngày 31/12/2010 (VND)	Hình thức đảm bảo khoản vay
20/2009/HỆTDTH-TCDK-CNCT	30/10/2009	48 tháng	Theo lãi suất thị trường tại thời điểm vay	100 tỷ VND	75.000.000.000	Thế chấp QSD đất và tài sản hình thành từ vốn vay thuộc tiêu dự án 5
Cộng					75.000.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010, kết thúc vào ngày 31/12/2010

10. Vốn chủ sở hữu

10.1. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	5	6	7	8	9
- Số dư đầu năm trước	113.550.000.000	-	-	-	93.285.898	46.642.949	76.285.898	699.644.241
<i>Tăng trong năm trước</i>	<i>75.000.000.000</i>	-	-	-	<i>571.320.142</i>	<i>285.660.071</i>	<i>571.320.142</i>	<i>5.713.201.449</i>
- Tăng vốn trong năm trước	75.000.000.000							
- Lợi nhuận tăng trong năm trước								5.713.201.449
- Trích lập quỹ					571.320.142	285.660.071	571.320.142	
<i>Giảm trong năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>647.606.040</i>	<i>1.428.300.355</i>
- Chia cổ tức năm trước								1.428.300.355
- Trích lập quỹ								1.428.300.355
- Giảm khác							647.606.040	-
- Số dư cuối năm trước	188.550.000.000	-	-	-	664.606.040	332.303.020	-	4.984.545.335
- Số dư đầu năm nay	188.550.000.000	-	-	-	664.606.040	332.303.020	-	4.984.545.335
<i>Tăng trong kỳ</i>	<i>61.450.000.000</i>	-	-	-	<i>3.605.988.685</i>	<i>1.802.994.343</i>	-	<i>36.059.886.855</i>
- Tăng vốn	61.450.000.000							
- Lợi nhuận tăng trong kỳ								36.059.886.855
- Trích lập quỹ					3.605.988.685	1.802.994.343		
<i>Giảm trong kỳ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>13.728.721.714</i>
- Chia cổ tức								4.713.750.000
- Trích lập quỹ								9.014.971.714
Số dư cuối kỳ	250.000.000.000	-	-	-	4.270.594.725	2.135.297.363	-	27.315.710.476

Ghi chú : Kể từ ngày 01/01/2010 Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty được trình bày tại khoản mục nợ phải trả ngắn hạn.

10.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2010			Tại ngày 01/01/2009		
	Tổng số	Vốn cổ phần phổ thông	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần phổ thông	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	-	-	-	-	-	-
Vốn góp (cổ đông, thành viên...)	250.000.000.000	250.000.000.000		188.550.000.000	188.550.000.000	
<i>Trong đó:</i>						
- Do pháp nhân nắm giữ	109.346.250.000	109.346.250.000		73.750.000.000	73.750.000.000	
- Do thể nhân nắm giữ	140.653.750.000	140.653.750.000		114.800.000.000	114.800.000.000	
Thặng dư vốn cổ phần						
Cổ phiếu ngân quỹ(*)						
Tổng cộng	250.000.000.000	250.000.000.000		188.550.000.000	188.550.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010, kết thúc vào ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

10.3. Các quỹ của doanh nghiệp

	<i>Năm 2010</i> VND	<i>Năm 2009</i> VND
- Quỹ đầu tư phát triển	4.270.594.725	664.606.040
- Quỹ dự phòng tài chính	2.135.297.363	332.303.020
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

Mục đích của trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

10.3.1. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- b) Bù đắp khoản lỗ của công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc đại diện chủ sở hữu.

10.3.2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để

- a) Bổ sung vốn điều lệ cho công ty.
- b) Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty.

10.3.3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

- a) Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.
- c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty.

10.3.4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;
- d) Ngoài ra có thể sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính 2010, kết thúc vào ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

11. DOANH THU	<i>Năm 2010 VND</i>	<i>Năm 2009 VND</i>
11.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.333.653.443	44.290.142.632
- Doanh thu bán hàng hóa	6.924.630.427	
- Doanh thu bán thành phẩm	155.336.295.744	44.290.142.632
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.727.272	
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
+ <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>		
+ <i>Tổng Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo Tài chính</i>		
- Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại		
+ Thuế GTGT phải nộp (trực tiếp)		
+ Thuế TTĐB		
+ Thuế xuất khẩu		
- Doanh thu thuần	162.333.653.443	44.290.142.632
<i>Trong đó:</i>		
+ Doanh thu thuần bán hàng hóa	6.924.630.427	-
+ Doanh thu thuần bán thành phẩm	155.336.295.744	44.290.142.632
+ Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	72.727.272	-
+ Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
11.2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.270.658.656	77.671.865
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.730.796	77.671.865
- Doanh thu hoạt động tài chính khác (mua hàng trả góp)	1.201.927.860	
11.3. Thu nhập khác	54.545.455	-
- Thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản TSCĐ	54.545.455	
- Thu từ xử lý công nợ		
- Khác		
12. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	<i>Năm 2010 VND</i>	<i>Năm 2009 VND</i>
- Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	5.628.804.992	
- Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	105.669.788.899	35.880.666.694

- Giá vốn cung cấp dịch vụ		-
- Giá vốn hợp đồng xây dựng		
Tổng cộng	111.298.593.891	35.880.666.694
13. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2009</i> <i>VND</i>
- Chi phí lãi vay	1.270.658.656	
Tổng cộng	1.270.658.656	-
14. CHI PHÍ BÁN HÀNG	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2009</i> <i>VND</i>
- Chi phí nhân viên bán hàng		
- Chi phí vật liệu bao bì đóng gói		
- Chi phí khấu hao TSCĐ		
- Chi phí công cụ, dụng cụ		
- Chi phí bảo hành	21.010.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		8.100.000
- Chi phí bằng tiền khác	569.449.908	396.476.835
Tổng cộng	590.459.908	404.576.835
15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2009</i> <i>VND</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.269.673.830	744.065.071
- Chi phí vật liệu quản lý		
- Chi phí đồ dùng văn phòng	197.636.886	339.099.908
- Chi phí khấu hao TSCĐ	267.441.880	189.722.325
- Thuế, phí, lệ phí	164.965.421	36.709.417
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.820.734	85.411.230
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi		
- Chi phí bằng tiền khác	408.852.371	237.254.134
Tổng cộng	3.490.391.122	1.632.262.085
16. CHI PHÍ KHÁC	<i>Năm 2010</i> <i>VND</i>	<i>Năm 2009</i> <i>VND</i>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	53.112.508	
- Tiền phạt nộp thuế	35.788.467	
Tổng cộng	88.900.975	-

17 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.919.853.002	6.450.308.883
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN (*)	72.788.467	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	72.788.467	
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
- Tổng thu nhập được miễn thuế TNDN	5.918.906.559	2.144.342.988
- Tổng thu nhập chịu thuế	41.073.734.910	4.305.965.895
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.859.966.147	1.076.491.474
- Thuế TNDN được giảm theo NQ 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008		339.384.040
- Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	10.859.966.147	737.107.434
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.059.886.855	5.713.201.449

Ghi chú: Theo như Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài Chính ban hành hướng dẫn Nghị định số 24/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành: Công ty thuộc đối tượng được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% thuế suất Thuế TNDN phải nộp cho 6 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi là 20%.

17 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	36.059.886.855	5.713.201.449
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng		
+ Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.059.886.855	5.713.201.449
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	21.774.321	18.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.656	303

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu	178.280.301.885	133.306.974.220
2. Chi phí nhân công	2.271.630.370	5.096.339.544
3. Chi phí khấu hao TSCĐ	578.339.797	196.889.271
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.983.009.509	5.688.777.726
5. Chi phí khác bằng tiền	730.983.570	557.042.980
Tổng cộng	201.844.265.131	144.846.023.741

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

- Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số dư cuối kỳ tại ngày 31/12/2009 và số phát sinh năm 2009 chuyển qua đã được Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán.

- Kể từ ngày 01/01/2010 Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty được trình bày tại khoản mục nợ phải trả ngắn hạn theo quy định hiện hành tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính; Do đó số dư đầu năm 2010 của Quỹ khen thưởng phúc lợi được điều chỉnh lại cho phù hợp quy định hiện hành.

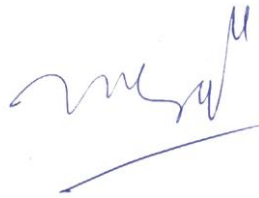
Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu



Trương Thụy Kiều Ngọc Diễm

Kế toán trưởng



Lê Phước Sang

Giám đốc



Nguyễn Triệu Dũng



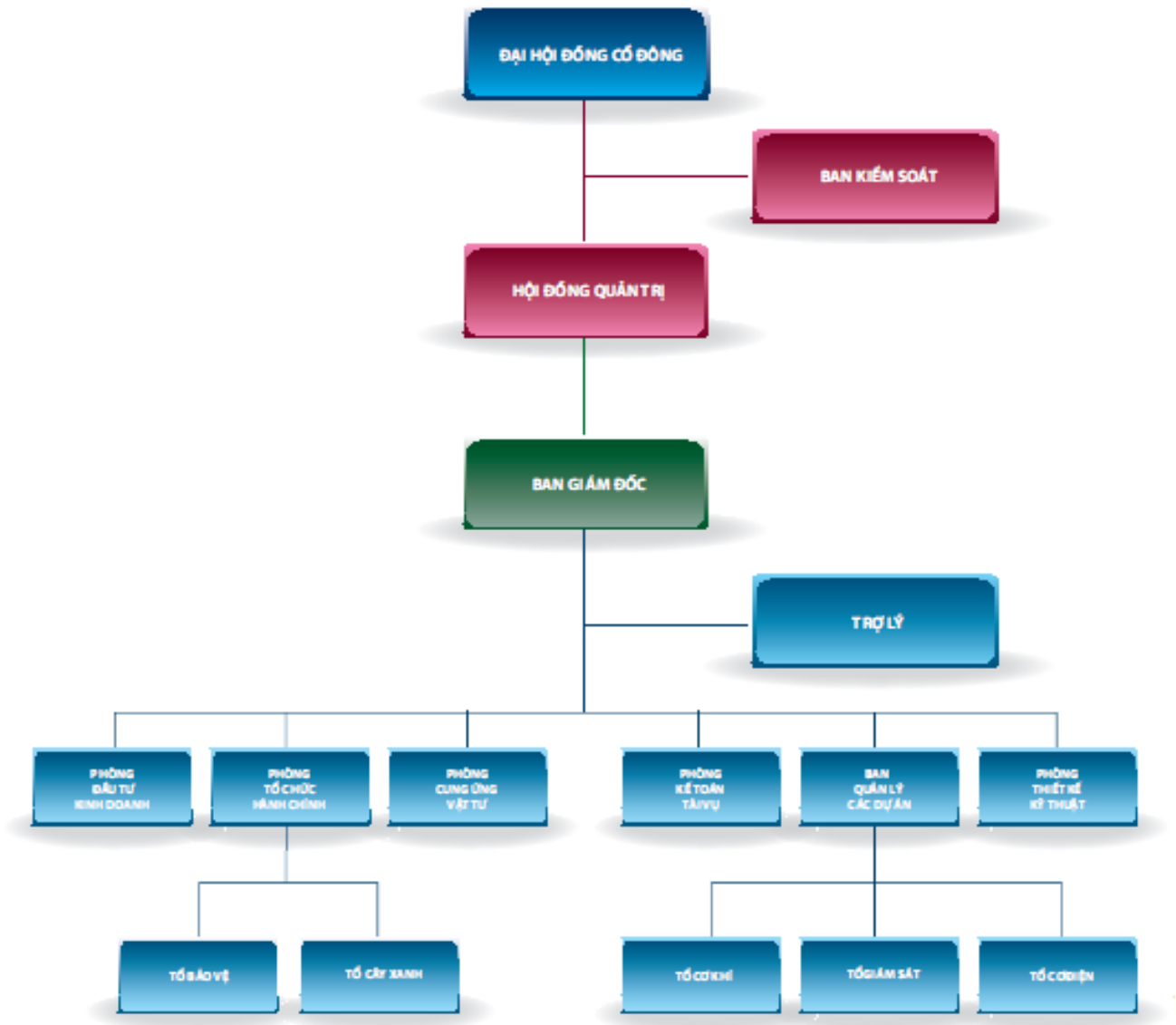
PVCL NĂM 2010

1. TỔ CHỨC
2. NHÂN SỰ
3. CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2010

1. TỔ CHỨC



SƠ ĐỒ BỘ MÁY TỔ CHỨC PVCL





Ban lãnh đạo



Ông NGUYỄN TRIỆU DÔNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Ông Nguyễn Triệu Dũng công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long từ năm 2007. Trước đó ông đã có thời gian tham gia công tác tại Công ty Nông sản Thực phẩm Tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương Mại cần Thơ). Năm 2002, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.



Ông NGUYỄN TUẤN ANH

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Anh công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long từ năm 2007. Ông là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh đồng thời là Cử nhân Anh văn và Cử nhân Nga văn. Ông đã từng làm việc tại Công ty Liên doanh Khách sạn Embassy và sau đó giữ chức vụ Phó phòng Nghiệp vụ Ngân hàng CA.LYON. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.



Ông NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Phương là thành viên Hội đồng quản trị PVCL từ năm 2010. Năm 2002, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi và Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Hoàng Phương.



Ông TRƯƠNG VĂN PHƯỚC

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Trương Văn Phước là thành viên Hội đồng quản trị PVCL từ năm 2010. Ông đã từng có thời gian công tác tại Công ty Nông sản Thực phẩm tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương mại Cần Thơ). Năm 2002, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Hiện ông đồng thời đảm trách chức vụ thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.



Ông DƯƠNG THẾ NGHIÊM

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Dương Thế Nghiêm công tác tại PVCL từ năm 2007. Ông là Cử nhân Toán ứng dụng và Quản trị kinh doanh. Ông đã từng là Trưởng phòng kinh doanh của Công ty TNHH XD&TM Minh Châu - tiền thân của PVCL, Trưởng phòng Kế hoạch - Xí nghiệp Tầm Đũa xuất khẩu thuộc Công ty Lâm sản Tp.HCM, Phó phòng Lâm đặc sản - Công ty Hợp tác XNK với Lào tại TP. HCM, Chánh văn phòng Đảng ủy Xã Liêu Tú, Long Phú (nay là Trần Đề), Sóc Trăng. Hiện ông là thành viên HĐQT của PVCL kiêm Trợ lý Giám đốc.

Ban Giám đốc



Ông NGUYỄN TRIỆU DŨNG

Giám đốc

Ông Nguyễn Triệu Dũng công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long từ năm 2007. Trước đó ông đã có thời gian tham gia công tác tại Công ty Nông sản Thực phẩm Tỉnh Hậu Giang (nay là Công ty Thương Mại cần Thơ). Năm 2002, ông đã cùng với một số thành viên trong gia đình thành lập Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi. Ông tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi.



Ông HUỖNH MINH QUÂN

Phó Giám đốc

Ông Huỳnh Minh Quân tham gia công tác tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long từ năm 2007. Chuyên ngành của ông là Kỹ sư xây dựng. Trước khi làm việc cho PVCL, ông đã có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng. Ông từng làm việc tại Công ty Xây dựng và vật liệu xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn và Công ty TNHH XD&TM Minh Châu. Hiện ông đảm trách chức vụ Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật tại PVCL.



Ông LÊ PHƯỚC SANG

Kế toán trưởng

Ông Lê Phước Sang đảm trách chức vụ Kế toán trưởng của PVCL từ năm 2007. Ông tốt nghiệp Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán tổng hợp. Trước khi công tác tại PVCL ông đã có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán qua thời gian công tác từ năm 2001 tại các công ty như Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Bạc Liêu, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Út Xi, Công ty TNHH XD & TM Minh Châu. Hiện ông đồng thời giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi.

Ban Kiểm soát



Bà NGUYỄN PHƯƠNG HUYỀN

Trưởng ban kiểm soát

Bà Nguyễn Phương Huyền tham gia công tác tại PVCL từ năm 2010 cho đến nay. Bà đã từng làm việc tại Công ty TNHH XD&TM Minh Châu, Công ty TNHH Nhân Lực. Bà tốt nghiệp trường Cao đẳng Kinh tế.



Ông TRẦN VĂN BỬU

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Trần Văn Bửu là Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán tổng hợp. Trước khi công tác tại PVCL, ông Trần Văn Bửu đã có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. Ông từng giữ chức vụ kế toán tổng hợp của Công ty CP Cơ khí và Xây lắp điện Bạc Liêu và Trưởng Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi.

2. NHÂN SỰ

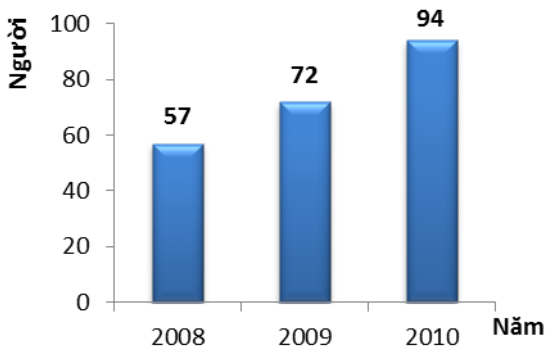


A. Số lượng lao động

Tại thời điểm 31/12/2010, tổng số CBCNV của PVCL là 94 người tăng 22 người so với cuối năm 2009

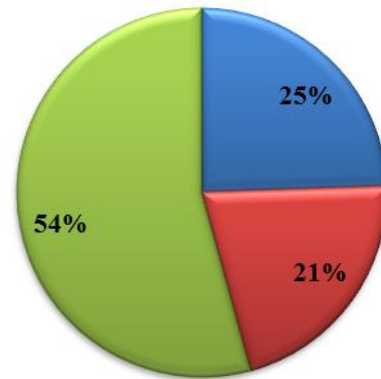
100% CB-CNV sau khi được tuyển dụng, hoàn thành thời gian thử việc theo qui định của Công ty đều được ký kết Hợp đồng lao động và tham gia đầy đủ BHXH, BHYT; riêng đối với những trường hợp sau khi ký HĐLĐ được tròn 01 năm sẽ được mua Bảo hiểm thất nghiệp.

Năm	2008	2009	2010
Số lượng nhân sự (người)	57	72	94



B. Cơ cấu lao động 2010

Năm	2010	Tỷ lệ
Trên Đại học, Đại học	23	25.47%
Trung cấp, tương đương	20	21,28%
Công nhân có tay nghề	51	53,25%
Tổng cộng	94	100%

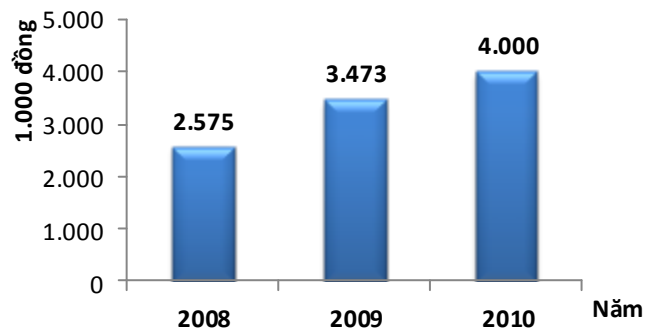


- Trên Đại học, Đại học
- Trung cấp, tương đương
- Công nhân có tay nghề

C. Thu nhập

Thu nhập của người lao động bao gồm lương cứng, thưởng năng suất, thưởng kinh doanh và các khoản thưởng dịp tết, thưởng thi đua, thưởng đột xuất, thưởng cuối năm.

Năm	2008	2009	2010
Thu nhập trung bình/ nhân viên (VND)	2.575.000	3.473.000	4.000.000



3. CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU NĂM 2010



1

PVCL trở thành Công ty đại chúng

Ngày 31/07/2010, PVCL chính thức trở thành Công ty đại chúng với vốn điều lệ là 250 tỷ đồng

2

PVCL tổ chức kỷ niệm 3 năm thành lập

Ngày 05/12/2010, PVCL tổ chức kỷ niệm 3 năm thành lập

3

PVCL niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

Ngày 03/03/2011, PVCL niêm yết 25 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán CCL

4

PVCL chuyển về trụ sở mới

Ngày 13/03/2011, trong niềm hân hoan và phấn khởi toàn thể cán bộ công nhân viên của PVCL đã chuyển về trụ sở mới.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG



THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CÔNG TY ĐẾN 31/12/2010

Stt	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	% vốn điều lệ
I.	Trong nước	123	24.508.000	245.080.000.000	98,03%
	Tổ chức	7	10.929.375	109.293.750.000	43,72%
	Cá nhân	116	13.578.625	135.786.250.000	54,31%
	Trong đó:				
	1. Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
	2. Cổ đông trong Công ty	85	10.221.375	102.213.750.000	40,88%
	- HĐQT, BGD, BKS, KTT	9	9.923.125	99.231.250.000	39,69%
	- CBCNV	76	298.250	2.982.500.000	1,19%
	- Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	3. Cổ đông bên ngoài	38	14.286.625	142.866.250.000	57,15%
II	Nước ngoài	6	492.000	4.920.000.000	1,97%
	Tổ chức	-	-	-	-
	Cá nhân	6	492.000	4.920.000.000	1,97%
	Tổng cộng	129	25.000.000	250.000.000.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN ĐẾN THỜI ĐIỂM 31/12/2010

Stt	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng vốn điều lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	2200203836	Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	4.612.500	18,45%
2	Nguyễn Triệu Dông	365271271	Lô BĐ01-03, Khu dân cư Minh Châu, quốc lộ 1, phường 7, tỉnh Sóc Trăng	8.200.000	32,80%
3	Nguyễn Hoàng Phương	365486866	Số 35 Lý Đạo Thành, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	1.409.375	5,63%
4	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh REE	059082	364 Cộng Hòa, P13, Quận Tân Bình, TP. HCM	1.281.250	5,13%
5	Công ty CP Đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - PVFI	0102278170	Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	1.500.000	6,00%

Stt	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ trọng vốn điều lệ (%)
6	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn Việt Nam	108/UBCK-GP	Tầng 5, số 172 Phố Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội	1.500.000	6,00%
Tổng cộng				18.503.125	74,01%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Stt	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1	Tổng số vốn thực góp	25.000.000	250.000.000.000	100%
2	Cổ đông sáng lập	14.221.875	142.218.750.000	56,89%
3	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	18.503.125	185.031.250.000	74,01%
4	Cổ đông sở hữu từ 1% - 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5.651.125	56.511.250.000	22,60%
5	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	845.750	8.457.500.000	3,38%

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Thay đổi so với năm 2009
1	Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi	Tỉnh lộ 8, xã Tài Văn, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	4.612.500	18,45%	4.500.000
2	Nguyễn Triệu Dũng	Lô BĐ01-03, Khu dân cư Minh Châu, quốc lộ 1, phường 7, tỉnh Sóc Trăng	8.200.000	32,8%	8.000.000
3	Nguyễn Hoàng Phương	Số 35 Lý Đạo Thành, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, Sóc Trăng	1.409.375	5,64%	1.375.000
			14.221.875	56,89%	

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẪM GIỮ' CỔ PHẦN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT

Stt	Họ tên người sở hữu	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2010	Tỷ lệ sở hữu	Thay đổi so với năm 2009
1	Nguyễn Triệu Đông	Chủ tịch HĐQT	8.200.000	32,80%	8.000.000
2	Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	256.250	1,03%	250.000
3	Nguyễn Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	1.409.375	5,64%	1.375.000
4	Trương Văn Phước	Thành viên HĐQT	25.000	0,10%	1.000.000
5	Dương Thế Nghiêm	Thành viên HĐQT	2.000	0,008%	0
Tổng cộng			9.892.625	39,57%	10.625.000

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long

Địa chỉ: Số 02, KTM-06, đường số 6, khu đô thị 5a, phường 4, TP Sóc trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điện thoại: 079.3627999 - Fax: 079.3627888 - Email: pvcl@dothi5a.com